

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Website: www.vitranschart.com.vn



2019 | BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC

05 TỔNG QUAN CÔNG TY

27 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

57 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

69 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

75 QUẢN TRỊ CÔNG TY

83 BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2019

CTY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

VITRANSCHART

428 NGUYỄN TẤT THÀNH

TỔNG QUAN CÔNG TY

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Quá trình hình thành và phát triển

Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức

Định hướng phát triển

Các giải thưởng tiêu biểu

Các rủi ro





Tên công ty	Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
Tên viết tắt	Vitranschart JSC
Tên Tiếng Anh	Viet Nam Sea Transport and Chartering Joint Stock Company
Mã cổ phiếu	VST
Vốn điều lệ	609.993.370.000 VNĐ
Trụ sở chính	428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại	(028) 3940 4271
Fax	(028) 3940 4711
Website	www.vitranschart.com.vn
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 0300448709 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 05 tháng 02 năm 2018 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty Vận tải biển Miền Nam Việt Nam được thành lập theo quyết định số 16 VP/QĐ/TC, Tổng cục Giao thông vận tải

Theo quyết định số 4683/QĐ-TC của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xác định Công ty Vận tải biển Miền Nam Việt Nam (SOVOSCO) là Xí nghiệp vận tải thuộc Cục đường biển Việt Nam.

Công ty Vận tải và Thuê tàu biển "Transchart" và "Công ty Vận tải biển Sovosco" được hợp nhất thành Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart) trực thuộc Tổng cục Đường biển Việt Nam theo Quyết định số 706/TCCB của Bộ trưởng Giao thông vận tải.

Bộ Giao thông vận tải đã ban hành việc thành lập lại DNNN Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam trực thuộc Cục Hàng Hải Việt Nam theo Quyết định số 377/QĐ-TCCB-LĐ, tên giao dịch quốc tế là Vietnam Sea transport and Chartering Company (Vitranschart)

Công ty Cổ phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam được thành lập - Tên viết tắt là Vitranschart JSC

Ngày 20/2/2009, SGDCK TP.HCM cấp giấy chứng nhận niêm yết số 14/QĐSGDHCM cho phép Công ty được niêm yết 40 triệu cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và mã cổ phiếu VST chính thức được giao dịch vào ngày 26/2/2009.

Công ty tăng vốn điều lệ từ 400.000.000.000 tỷ đồng lên 589.993.370.000 đồng để phục vụ cho hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh.

Ngày 10/06/2015, Công ty đăng ký giao dịch trên sàn của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (Upcom) với mã cổ phiếu VST.

Công ty tăng vốn điều lệ từ 589.993.370.000 đồng lên 609.993.370.000 đồng

Công ty tập trung mọi nguồn lực để duy trì hoạt động ổn định, vượt qua những khó khăn về tài chính và những trở ngại trong kinh doanh.

1975

1976

1984

1993

2007

2009

2010

2015

2018

2019 - Nay



Địa bàn	Tỷ trọng (%) 2018	Tỷ trọng (%) 2019
Khu vực Đông Nam Á - Đông Bắc Á - Đông Nam Á	32%	37%
Khu vực Đông Nam Á	23%	22%
Khu vực Bắc Á- Đông Bắc Á	2%	12%
Khu vực Đông Bắc Á	6%	6%
Khu vực Đông Bắc Á - Nam Á	8%	5%
Khu vực Đông Nam Á - Nam Á	6%	5%
Khu vực khác	23%	13%
Tổng cộng	100%	100%

VẬN TẢI BIỂN

Là lĩnh vực kinh doanh then chốt của Công ty, chuyên về khai thác, cho thuê tàu với năng lực gồm đội tàu có 07 chiếc, trọng tải từ 6.500 DWT đến 24.000 DWT với tổng trọng tải 144.890 DWT, chuyên chở hàng khô rời đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng trong nước và quốc tế.

Đào tạo và cung ứng xuất khẩu thuyền viên

Tuyển dụng, đào tạo, môi giới và cung cấp thuyền viên có trình độ và kinh nghiệm cho đội tàu công ty và các chủ tàu trong nước, ngoài nước (Nhật Bản, Đài Loan, v.v...)



CÔNG TY MẸ

Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (VIMC)

Số lượng cổ phần nắm giữ :29.888.000 cổ phần, chiếm 48,99% vốn điều lệ của Vitranschart JSC.

Trụ sở chính :Tầng 17, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Phương Mai, Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh chính

- Kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy, đường bộ, đa phương thức;
- Khai thác cảng biển, cảng sông; kinh doanh kho, bãi; dịch vụ logistic;
- Đại lý môi giới cung ứng dịch vụ hàng hải; cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ lai dắt tàu biển, tàu sông, đưa đón thuyền viên và các dịch vụ hỗ trợ hoạt động thủy.



CÔNG TY CON

Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC (SCCM)

Trụ sở chính :Số 36 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Dakao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính

- Quản lý và Cung ứng lao động hàng hải;
- Các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;

CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần Cung ứng Dịch vụ Hàng Hải & XNK Phương Đông (PDIMEX JSC)

Vốn điều lệ :18.540.000.000 đồng

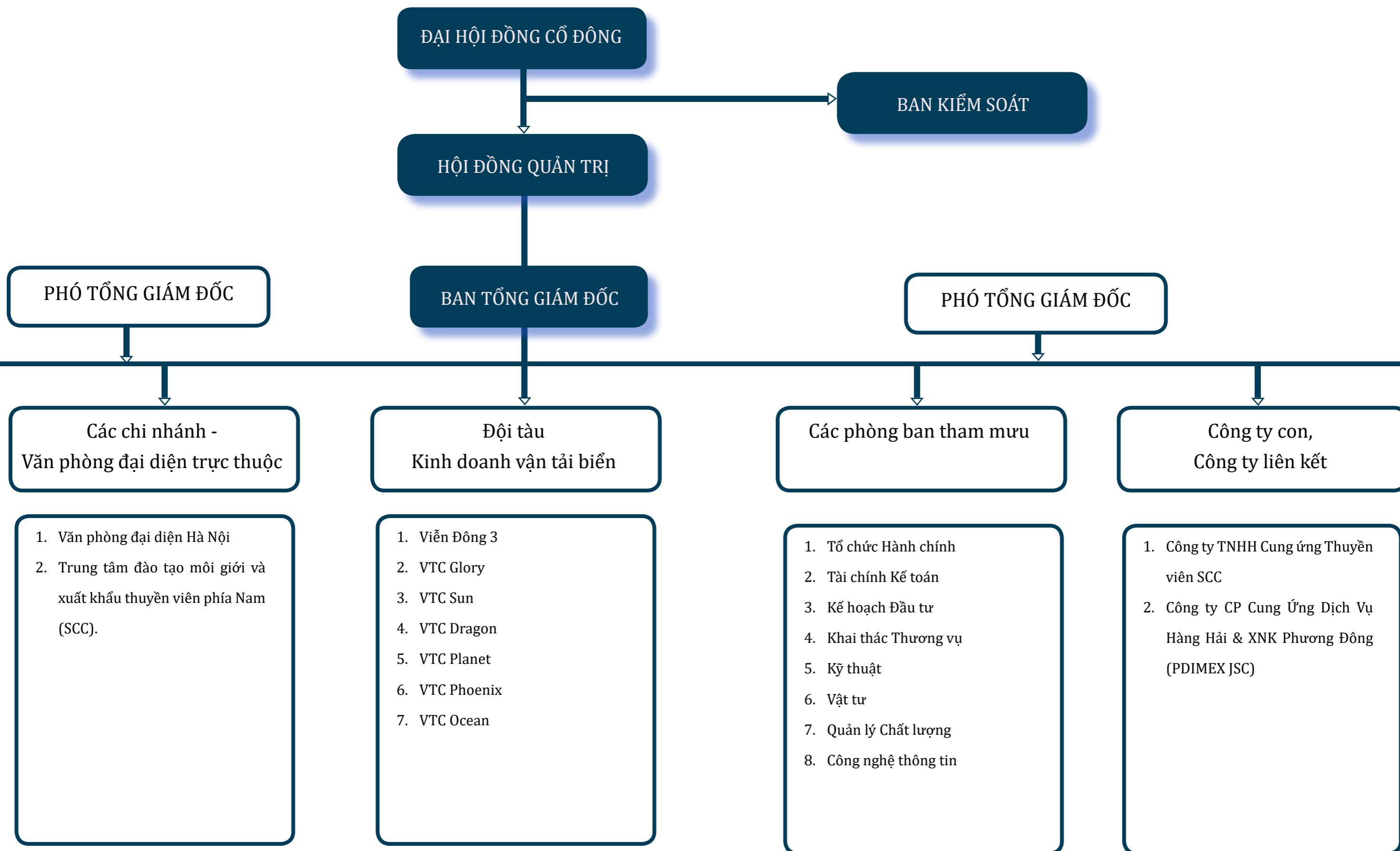
Tỷ lệ góp vốn :26,46%

Trụ sở chính :438 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

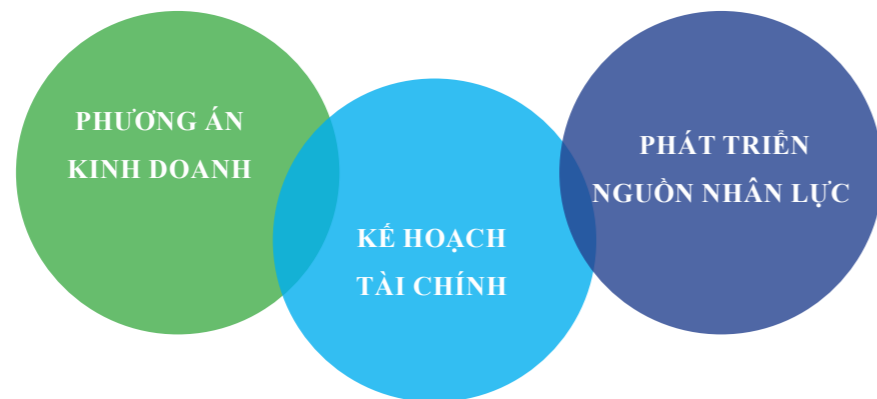
Hoạt động kinh doanh chính

- Nhập khẩu nguyên vật liệu: thạch cao, xỉ cát, v.v... phục vụ sản xuất xi măng cung cấp cho các nhà máy xi măng khu vực phía Bắc và phía Nam từ nhiều nguồn khác nhau như Thái Lan, Đài Loan, Nhật Bản, v.v... ;
- Cung cấp đá pozzolan cho các nhà máy xi măng. Vận chuyển clinker cho các nhà máy xi măng tuyến Hải Phòng - Hồ Chí Minh;
- Cung ứng các dịch vụ hàng hải phục vụ cho các đội tàu trong và ngoài nước gồm: cung ứng vật tư cho tàu;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phao bè cứu sinh, gỗ gỉ sơn và vệ sinh công nghiệp tàu.





01 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN



Phương án kinh doanh

- ✓ Mục tiêu chủ yếu của Công ty là ổn định và phát triển các dịch vụ kinh doanh chủ lực, tìm kiếm cơ hội đầu tư, thường xuyên tìm kiếm và phát triển quan hệ kinh doanh với các đối tác nước ngoài. Khai thác tốt các nguồn lực về vốn, nhân sự, đại lý, tập trung đầu tư và nâng cao chất lượng các dịch vụ cơ bản, sàng lọc loại bỏ các dịch vụ hiệu quả thấp.

Kế hoạch tài chính

- ✓ Thực hiện cơ cấu tài chính, cơ cấu các khoản nợ vay phù hợp với tình hình thực tế.
- ✓ Trình VIMC tiếp tục kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét cho Vitranschart JSC được xóa lãi vay và khoan nợ gốc đối với các dự án đầu tư đóng mới theo chỉ đạo trước đây của Chính phủ tại Ngân hàng phát triển Việt Nam (VDB).

Phát triển nguồn nhân lực

- ✓ Rà soát lao động hiện có nhằm điều chỉnh, phân bổ, tuyển dụng, sử dụng, đào tạo hợp lý.
- ✓ Triển khai xây dựng hệ thống chỉ số đánh giá hiệu quả công việc trọng yếu (Key Performance Indicator – KPI) theo phương pháp thẻ điểm cân bằng (Balanced Scorecard – BSC) và tích hợp trả lương 3Ps.
- ✓ Đánh giá đúng mức cán bộ trên cơ sở khả năng, năng lực công tác, có chính sách đãi ngộ đối với cán bộ giỏi, có năng lực.
- ✓ Phân công công việc đúng năng lực trình độ của mỗi người.
- ✓ Định biên phù hợp với nhiệm vụ, công việc: Định biên lại theo trung bình tiên tiến, cùng với xu hướng giảm dần định biên hiện nay đối với tất cả các khối, đặc biệt là khối gián tiếp (phục vụ, quản lý).
- ✓ Nghiêm túc thực hiện đánh giá năng lực thuyền viên, phỏng vấn trước khi Công ty thuê và bố trí lên tàu.
- ✓ Chú trọng công tác đào tạo, huấn luyện, nâng cao chất lượng tay nghề, nghiệp vụ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ cũng như đạo đức nghề nghiệp cho các thuyền viên;

CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Chiến lược phát triển bền vững với trách nhiệm xã hội là nền tảng đã, đang và sẽ luôn là trọng tâm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Vitranschart JSC, bởi sự thành công của một doanh nghiệp không đơn thuần là những con số doanh thu thể hiện trên báo cáo tài chính mà còn là những giá trị thiết thực và lâu dài mà doanh nghiệp đó xây dựng, đóng góp cho cộng đồng.

✔ Vitranschart JSC luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, xử lý những chất thải cũng như không ngừng tìm tòi thêm sáng kiến, phương pháp nhằm sử dụng hiệu quả nhiên liệu, giảm tối đa khí thải gây nên hiệu ứng nhà kính, bảo đảm môi trường biển xanh sạch theo quy định của IMO. Ngoài ra, định kỳ Công ty phát động các phong trào làm sạch đẹp văn phòng và đường phố nơi Văn phòng tọa lạc.

✔ Thực hiện tốt các chế độ, chính sách, đảm bảo đời sống, việc làm đối với cán bộ nhân viên, sỹ quan thuyền viên để người lao động yên tâm công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

✔ Tiếp tục xây dựng, tổ chức các hoạt động tập thể, phong trào thi đua của Công đoàn Công ty, góp phần nâng cao tinh thần gắn bó giữa cán bộ nhân viên, sỹ quan thuyền viên trong Công ty, duy trì các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn” của Công ty nhằm nâng cao tinh thần tương thân tương ái của CBNV với xã hội và cộng đồng, đồng thời giữ vững và phát huy truyền thống tốt đẹp của Công ty.





RỦI RO KINH TẾ VÀ CHÍNH TRỊ

Ngành vận tải biển chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi nền kinh tế chính trị chung của thế giới. Trong năm 2019, hàng loạt các sự kiện kinh tế, chính trị đã diễn ra trên khắp thế giới như căng thẳng chiến tranh thương mại Mỹ-Trung, nước Anh chính thức rời khỏi EU sau 47 năm, cuộc biểu tình chính trị tại Hong Kong, xung đột chính trị giữa Mỹ và Iran,... Các sự kiện này đã gây ra không ít những ảnh hưởng tiêu cực lên kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam cũng như các hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa trên thế giới, ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn hàng hóa vận chuyển của đội tàu cũng như doanh thu của Công ty.

Do đặc thù của ngành vận tải biển, chi phí nhiên liệu chiếm tỷ trọng rất lớn trong cơ cấu giá thành vì vậy biến động giá dầu sẽ ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của công ty. Năm 2019, tình trạng kinh tế tăng trưởng chậm lại bắt nguồn từ những quan ngại và tác động tiêu cực của cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung kéo dài hơn một năm qua cũng đã gây sức ép lên giá dầu. Bên cạnh đó, các cuộc tấn công tại các vùng dầu lửa như tấn công tàu chở dầu quanh Vịnh Persian vào tháng 5/2019 và tháng 6/2019, tấn công bằng máy bay không người lái và tên lửa vào các cơ sở dầu mỏ Abqaiq và Khurais của Saudi Arabia hồi tháng 9/2019 đã gây ra không ít biến động trong sản lượng và giá dầu.



Biện pháp giảm thiểu rủi ro

Để giảm thiểu những tác động tiêu cực đó, Công ty đã chủ động theo dõi và cập nhật tình hình kinh tế, chính trị trên thế giới, dự đoán các tình huống tương lai để đưa ra các chính sách phù hợp. Bên cạnh đó, Công ty cũng đẩy mạnh tìm kiếm các đối tác mới, tìm cách cắt giảm các chi phí vận hành tàu để nâng cao năng lực cạnh tranh của đội tàu.





RỦI RO PHÁP LUẬT

Là doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức cổ phần và đã đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, vì vậy Công ty chịu sự hướng dẫn và quản lý chặt chẽ bởi các văn bản pháp luật như Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Luật Hàng Hải và các Nghị định, thông tư liên quan. Các văn bản pháp lý của nước ta đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn rất nhiều bất cập, chưa rõ ràng để thực thi và thường xuyên thay đổi, điều này đã tác động đến tình hình hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty.

Mặt khác, hoạt động chính của Công ty là chuyên chở hàng khô rời thông qua đường biển và giao thương với quốc tế, do đó, Công ty còn chịu ảnh hưởng của các Bộ luật, các công ước và thông lệ Quốc tế về hàng hải rất khắt khe.

Ngoài ra, hoạt động của Công ty còn chịu ảnh hưởng của Tổ chức hàng hải quốc tế (IMO) khi liên tục ban hành các luật, các công ước ngày càng siết chặt tác động lên môi trường biển và không khí, an ninh hàng hải.

Biện pháp giảm thiểu rủi ro

Để hạn chế những ảnh hưởng của rủi ro pháp luật, Công ty thường xuyên theo dõi và cập nhật những văn bản pháp lý mới nhất nhằm có sự thay đổi về chính sách, kế hoạch hoạt động để kịp thời triển khai các biện pháp nhằm tuân thủ các quy định mới, không để xảy ra cá rủi ro từ việc không tuân thủ.



RỦI RO NGUỒN NHÂN LỰC

Nguồn nhân lực của ngành vận tải biển tương đối khan hiếm do những đòi hỏi gắt gao về trình độ chuyên môn, kỹ thuật cũng như kinh nghiệm khi xử lý các tình huống nguy hiểm có thể xảy ra trong quá trình vận chuyển trên biển. Trong bối cảnh thị trường lao động ngày càng cạnh tranh gay gắt như hiện nay, việc thu hút và gìn giữ lao động giỏi, có khả năng đáp ứng công việc là mối quan tâm hàng đầu của Công ty.

Biện pháp giảm thiểu rủi ro

Công ty luôn chú trọng đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động cùng với xây dựng chính sách tiền lương minh bạch, công bằng và phù hợp với thị trường lao động. Bên cạnh đó, Công ty cũng tạo cho lao động nhiều cơ hội thăng tiến, sử dụng các chế độ đãi ngộ để duy trì sự gắn bó trung thành của người lao động và thu hút lớp kế thừa tương lai.





RỦI RO HÀNG HẢI

Ngành vận tải biển là ngành chịu tác động trực tiếp bởi các yếu tố tiêu cực của thời tiết như bão, lốc xoáy, sóng thần,... Những năm gần đây, do biến đổi khí hậu toàn cầu nên diễn biến thời tiết ngày càng phức tạp và luôn tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Các nhân tố trên không chỉ ảnh hưởng đến vận hành của tàu biển, gây chậm trễ hàng hóa mà còn liên quan đến sự an toàn tính mạng của con người. Ngoài ra, công ty còn phải đối diện với các vấn nạn quốc tế như nạn bắt cóc, cướp biển, bất ổn chính trị trên ngày càng lan rộng ra nhiều vùng biển....

Biện pháp giảm thiểu rủi ro

Công ty có chính sách mua bảo hiểm cho con người, tài sản để bảo hiểm cho các rủi ro có thể gây ra tổn thất đồng thời đảm bảo trang bị các thiết bị an toàn cho người lao động tham gia trực tiếp vào hành trình vận chuyển hàng hóa.



RỦI RO KHÁC

Các công ty vận tải biển thường có giá trị tài sản dài hạn và nợ vay lớn (khoảng 80% tổng tài sản và nguồn vốn), do đó lãi suất hay tỉ giá ngoại tệ thay đổi sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty. Kết thúc năm 2019, ngân hàng Nhà nước đã tăng tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) thêm 330 đồng, lên mức 23,155 đồng/USD, tương đương tăng 1.4% so với hồi đầu năm 2019 đã làm phát sinh khoản phí chênh lệch tỷ giá không nhỏ, ảnh hưởng lợi nhuận của Công ty.

Biện pháp giảm thiểu rủi ro

Công ty luôn chủ động nắm bắt tình hình thị trường, lập kế hoạch tài chính và thường xuyên kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện hợp đồng, linh hoạt trong các hình thức thanh toán,... nhằm giảm thiểu tác động của rủi ro do biến động tỷ giá.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Đánh giá tác động đến môi trường và xã hội



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG NĂM 2019

KHÓ KHĂN

- Với thị trường quốc tế và xuất nhập khẩu qui mô như hiện nay thì đội tàu Công ty có thể nói là khá nhỏ so với các đơn vị khác trong nước, về cả khả năng phục vụ và tổng trọng tải tàu. Cỡ tàu cũng không còn được ưa chuộng, tình trạng tuổi tàu cao nên rất khó cạnh tranh so với các đơn vị tư nhân trong nước cũng như đội tàu nước ngoài.
- Năng lực đội tàu rất thấp do phương tiện ngày càng nhiều tuổi và xuống cấp, nhất là xuống cấp nhanh do hạn chế đầu tư phụ tùng, vật tư, sửa chữa, sử dụng phụ tùng OEM... trong thời gian dài, từ đó khó đáp ứng nhu cầu của thị trường.
- Các luật lệ, qui định quốc tế sắp có hiệu lực (xử lý nước ballast, kiểm soát khí thải).
- Năng lực tài chính yếu và thua lỗ kéo dài nhiều năm gây khó khăn lớn cho việc đàm phán tái cơ cấu tài chính do không có nguồn để thỏa thuận mua nợ hay đủ dòng tiền để thỏa thuận lịch trả nợ mới mà ngân hàng có thể chấp thuận. Ngoài ra khó khăn về tài chính cũng làm cho việc giảm chi phí khai thác đội tàu chưa thể thực hiện được triệt để do Công ty vẫn duy trì việc mua hàng trả chậm. Với tình hình tài chính hiện tại, công ty không thể thuê thêm tàu ngoài để khai thác với dòng tiền quá yếu, chi phí khai thác sẽ cao, không kinh tế và rủi ro cao nếu tàu thuê vào cũng bị lỗ cũng như không có khả năng đầu tư mới trong thời gian sắp tới.
- Nhân lực tiềm năng của công ty bị hao hụt đáng kể trong thời gian qua làm cho nguồn nhân lực toàn công ty bị thiếu hụt cả về số lượng lẫn chất lượng

THUẬN LỢI

- Công ty hoạt động lâu năm và có thương hiệu uy tín trên thị trường.
- Duy trì được đội ngũ nhân lực chủ chốt có kinh nghiệm, am hiểu các thị trường.



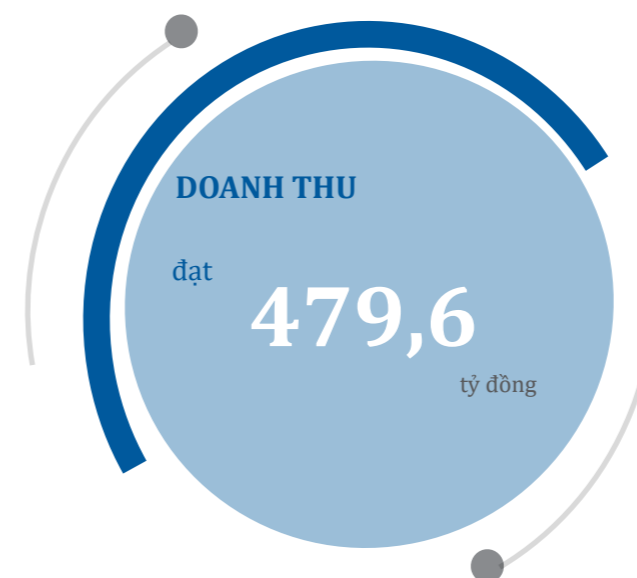
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Với các khó khăn nêu trên cùng với hoạt động vận tải biển mang tính mở, tính quốc tế cao, do đó ngoài cạnh tranh với các hãng khu vực, đội tàu Công ty còn phải cạnh tranh gay gắt với các hãng lớn của Trung Quốc, Hy Lạp... Cơ cấu thị trường thay đổi nên công ty tập trung khai thác tại khu vực Châu Á, Trung Đông. Phương thức khai thác cũng có thay đổi, tàu chạy tuyến ngắn và cho thuê định hạn nhiều hơn cùng với năng lực khai thác đội tàu giảm do tàu VTC Ocean dừng khai thác theo yêu cầu của ngân hàng và tàu Viễn Đông 5 được bán trong tháng 7 năm 2019 nên doanh thu giảm gần 12% so với cùng kỳ, nhưng kết quả kinh doanh hiệu quả hơn (lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: đã giảm lỗ 81 tỷ đồng so với năm 2018); tuy nhiên do gánh nặng chi phí tài chính, nhất là các khoản lãi phạt do vi phạm hợp đồng tín dụng cao, dẫn đến tăng lỗ 17 tỷ đồng so với cùng kỳ.

Đvt: triệu đồng

Chi tiêu	TH 2018	TH 2019	% Tăng/giảm
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	542.948	479.622	-11,66%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-45.829	-36.145	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-225.396	-144.394	-
Lợi nhuận khác	-29.777	-127.867	-
Lợi nhuận trước thuế	-255.173	-272.261	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-255.300	-272.404	-



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu

Đvt: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	TH 2018	KH 2019	TH 2019	TH 2019 / KH 2019	TH 2019 / TH 2018
Sản lượng vận chuyển (nghìn tấn)	1.248,22	1.016,50	1.676,31	165%	134%
Sản lượng luân chuyển (tỷ TKm)	6,08	4,76	5,14	108%	85%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	542,95	492,32	479,62	97%	88%
+ Kinh doanh vận tải	361,12	310,07	280,15	90%	78%
+ Kinh doanh cung ứng thuyền viên	180,75	182,25	199,36	109%	110%
+ Kinh doanh các dịch vụ khác	1,08	0	0,11	-	10%
Lãi (+)/Lỗ (-)	(255,17)	(298,97)	(272,26)	-	-
+ Kinh doanh vận tải	(258,73)	(289,13)	(252,20)	-	-
+ Kinh doanh cung ứng thuyền viên	7,17	8,86	12,42	140%	173%
+ Kinh doanh các dịch vụ khác	(3,61)	(18,70)	(32,49)	-	-



Mặc dù, khó khăn ở lĩnh vực kinh doanh chính nhưng mảng kinh doanh dịch vụ khác mang lại kết quả tích cực góp phần giảm lỗ cho Công ty. Cụ thể Trung tâm SCC trong năm 2019 lãi hơn 12 tỷ đồng, vượt 40% kế hoạch và tăng 73% so với cùng kỳ.



Lãi **12,42** Tỷ đồng

Kinh doanh cung ứng thuyền viên

VƯỢT **40%** so với kế hoạch



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Huỳnh Nam Anh	Chủ tịch HĐQT	Đại diện: 15.248.159 Cá nhân: 96.962	Chiếm 24,99% Chiếm 0,16%
2	Phạm Thị Cẩm Hà	Phó Chủ tịch HĐQT	Đại diện: 14.639.841 Cá nhân: 117.248	Chiếm 24,00% Chiếm 0,19%
3	Trần Quang Toàn	Thành viên HĐQT	0	0%
4	Nguyễn Minh Cường	Thành viên HĐQT	0	0%
5	Mai Thị Thu Vân	Thành viên HĐQT	8.002	Chiếm 0,01%

Ông Huỳnh Nam Anh - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh	15/04/1966
Địa chỉ thường trú	7A Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ - Khoa học quản lý vận tải biển.
Quá trình công tác	
1991 - 1995	Thủy thủ tàu biển Công ty Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam Chuyên viên Phòng Kế hoạch Đầu tư
1995 - 2009	Chuyên viên Ban Tư vấn Chuyên viên Phòng Tổng hợp Công ty Cổ Phần Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam Trưởng ban Nghiên cứu Dự án Trưởng Phòng Kế Hoạch Đầu Tư Trưởng Phòng Đầu Tư Phát Triển
04/2009 - 06/2017	Phó Tổng giám đốc, thành viên HĐQT, Phó Bí thư Đảng ủy Công ty Cổ Phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam
06/2017 đến nay	Chủ tịch HĐQT, Bí thư Đảng ủy Công ty Cổ Phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam

Bà Phạm Thị Cẩm Hà - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh	06/08/1965
Địa chỉ thường trú	42/31 Nguyễn Huệ, p. Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư - Kinh tế vận tải biển.
Quá trình công tác	
07/1987 - 05/1997	Nhân viên Phòng khai thác Thương vụ Công ty Cổ Phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam
05/1997 - 10/1998	Phó Trưởng phòng khai thác Thương vụ Công ty Cổ Phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam
11/1998 - 05/2011	Trưởng phòng khai thác Thương vụ Công ty Cổ Phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam
05/2011 - 08/2015	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam
09/2015 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam

Ông Trần Quang Toàn - Thành viên HĐQT

Năm sinh	11/07/1974
Địa chỉ thường trú	Phòng A5, Tầng 12, Chung cư Golden West, số 2 Lê Văn Thiêm, quận Thanh Xuân, Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư - Kinh tế vận tải biển.
Quá trình công tác	
1997 - 1999	Giáo viên ngoại ngữ tại Trường THCS Thanh Sơn, Kiến Thụy, Hải Phòng
1999 - 2001	Thợ máy tàu biển - Công ty Vận tải Biển Đông
2001 - 2004	Chuyên viên thương vụ, đại lý và khai thác tàu biển Công ty Vận tải Biển Bắc - CN Hải Phòng
2004 - 2007	Trưởng Phòng khai thác Công ty TNHH Vận tải Biển Phúc Hải - Hải Phòng
2007 - 2015	Giám đốc Công ty TNHH Vận tải Biển Phúc Toàn Việt - Hải Phòng
01/2015 - 05/2016	Trợ lý tổng giám đốc Công ty CP Vận tải Biển Bắc (NOSCO)
05/2016 - nay	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải Biển Bắc - nay đổi tên là Công ty CP Vận tải biển và thương mại Phương Đông (OSTC)

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Minh Cường - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 27/09/1974
 Địa chỉ thường trú: 60 Vân Côi, phường 7, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ

Quá trình công tác

2008 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam

Bà Mai Thị Thu Vân - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 18/10/1974
 Địa chỉ thường trú: 564 Hưng Phú, Phường 9, quận 8, Tp. Hồ Chí Minh
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế, Cử nhân Anh Văn

Quá trình công tác

1998 - 1/2008: Kế toán viên Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam/ Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (từ 31/12/2007)
 1/2008 - 4/2012: Phó Trưởng Phòng TCKT Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
 4/2012 - 7/2019: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
 7/2019 đến nay: Phó TGD Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam.

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Lã Thị Liên Hương	Trưởng Ban kiểm soát	0	0%
2	Hoàng Thị Thanh Phương	Thành viên Ban kiểm soát	0	0%
3	Nguyễn Thị Bằng Tâm	Thành viên Ban kiểm soát	10.620	Chiếm 0,01%

Bà Lã Thị Liên Hương - Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 26/04/1978
 Địa chỉ thường trú: P1604, CT1 Văn Khê - La Khê - Hà Đông - Hà Nội
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác

2000 - 2004: Nhân viên kế toán bán hàng - Công ty TNHH MTV Thương Mại Đồng Tâm
 2005 - 09/2009: Cửa hàng trưởng - Công ty TNHH Thương mại Đồng Tâm - Chi nhánh Hà Nội
 11/2009 - 01/2016: Cán bộ Ban KTNB - Tổng Công ty HHVN
 01/2016 đến nay: Cán Bộ Ban TCKT

Bà Hoàng Thị Thanh Phương - Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1957
 Địa chỉ thường trú: NN7, Đường Bạch Mã, cư xá Bắc Hải, P.15, Q.10, Tp. HCM
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác

04/2013 đến nay: Thành viên BKS Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

Bà Nguyễn Thị Băng Tâm - Thành viên Ban Kiểm soát



Năm sinh	15/02/1961
Địa chỉ thường trú	12/4D Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. HCM
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư chuyên ngành Kinh tế vận tải biển, Cử nhân chuyên ngành Ngữ Văn Anh, Chứng chỉ Kế toán trưởng.
Quá trình công tác	
1984 – 2016	Làm việc tại Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
2013 – nay	Thành viên BKS Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam



GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Phạm Thị Cẩm Hà	Tổng Giám đốc	Đại diện: 14.639.841 Cá nhân: 117.248	Chiếm 24,00% Chiếm 0,19%
2	Đặng Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	5	Chiếm 0,00%
3	Mai Thị Thu Vân	Phó Tổng Giám đốc	8.002	Chiếm 0,01%
4	Lê Kim Phượng	Kế toán trưởng	6.108	Chiếm 0,01%

Sơ yếu lý lịch của **Bà Phạm Thị Cẩm Hà** và **Bà Mai Thị Thu Vân** vui lòng xem ở phần Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị.

Ông Đặng Hiếu - Phó Tổng Giám đốc



Năm sinh	1960
Địa chỉ thường trú	P.404, chung cư 47-57 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư khai thác máy tàu biển, cao cấp lý luận chính trị
Quá trình công tác	
1984 - 2004	Thuyền viên Công ty Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam
2004 - 2008	Cán bộ phòng Kỹ thuật Công ty Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam
2008 - 2010	Phó trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty CP Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam
2010 - 2015	Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty CP Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam
2015 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam



Bà Lê Kim Phượng - Kế toán trưởng



Năm sinh	1976
Địa chỉ thường trú	83 cư xá Nguyễn Văn Trỗi, phường 17, Quận Phú Nhuận, TP.HCM
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế ngành kinh doanh tiên tậ - tín dụng, ngành quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
5/2000 – 8/2004	Kế toán viên Trung Tâm Đào tạo, Môi giới và Xuất khẩu Thuyền viên Phía Nam thuộc Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
8/2004 - 9/2014	Kế toán viên Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
9/2014 – 7/2019	Phó trưởng Phòng Tài chính kế toán Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
7/2019 - nay	Kế toán trưởng Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

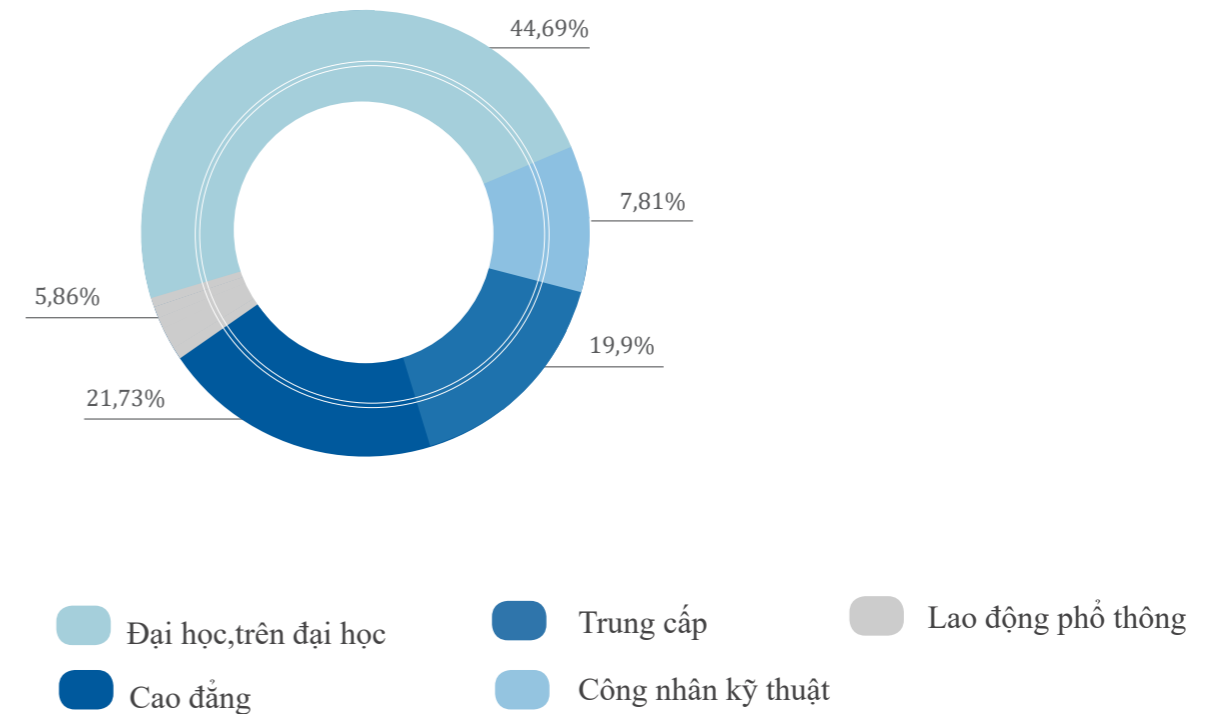
Những thay đổi trong Ban điều hành, HĐQT và BKS

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
1	Trần Quang Toàn	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm 19/04/2019
2	Nguyễn Thị Minh Ngọc	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm 19/04/2019

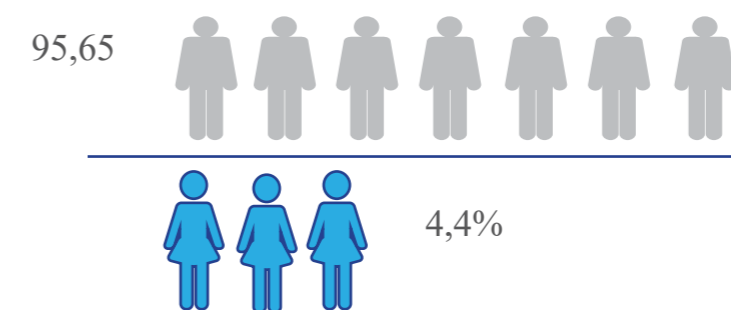
Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	819	100,00%
1	Trình độ đại học, trên đại học	366	44,69%
2	Trình độ cao đẳng	178	21,73%
3	Trình độ trung cấp	163	19,90%
4	Công nhân kỹ thuật	64	7,81%
5	Lao động phổ thông	48	5,86%
II	Theo loại hợp đồng lao động	819	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	439	53,60%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	9	1,10%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	371	45,30%
III	Theo giới tính	819	100,00%
1	Nam	783	95,60%
2	Nữ	36	4,40%

Cơ cấu người lao động theo trình độ lao động



Cơ cấu người lao động theo giới tính



Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Môi trường làm việc

Yếu tố con người luôn được xem là yếu tố then chốt đồng hành cùng sự thành công của Vitranschart JSC. Công ty luôn trân trọng sự đóng góp của tất cả mọi người vào thành công chung. Theo đó, Ban lãnh đạo luôn cố gắng tạo ra một môi trường làm việc năng động và công bằng, chuyên nghiệp và thân thiện, là nơi mà mỗi một nhân viên đều có cơ hội được làm việc, rèn luyện, phát triển sự nghiệp.

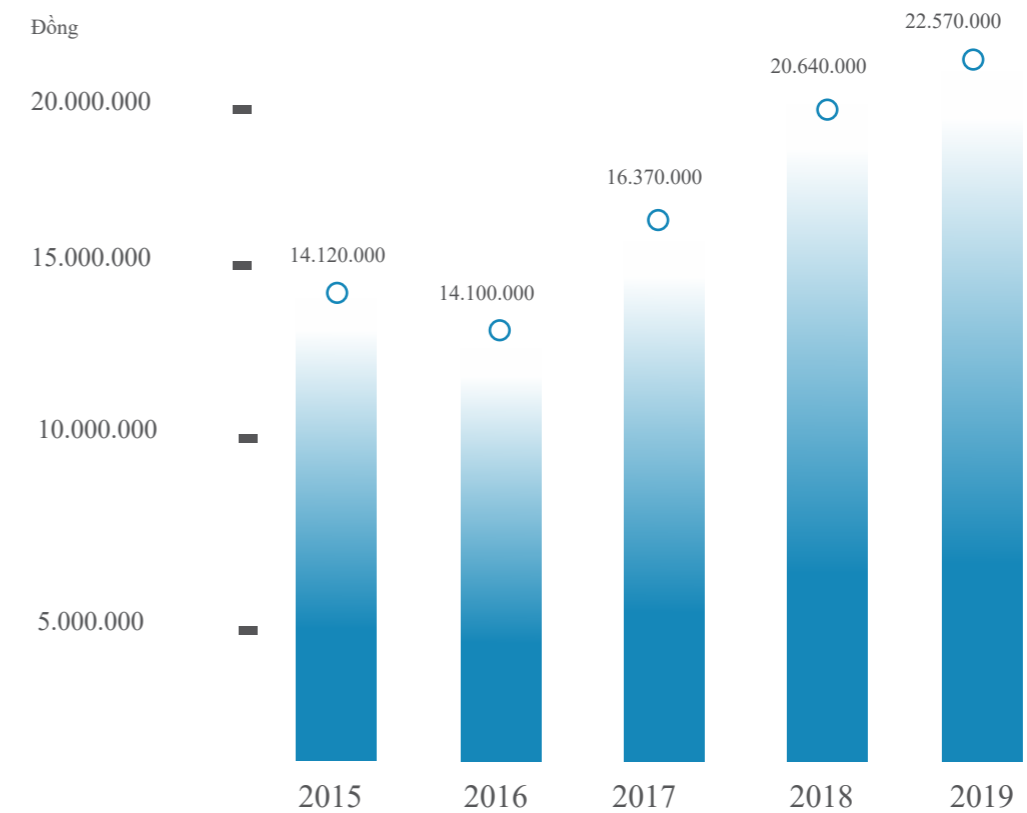
Ban lãnh đạo Công ty, thông qua các sự kiện, khảo sát và hệ thống kênh thông tin đa dạng, luôn chia sẻ, lắng nghe và trân trọng những ý kiến đóng góp ý kiến của CBNV.

Chính sách lương thưởng

Với Vitranschart JSC, một chính sách lương thưởng hợp lý sẽ giúp người lao động đảm bảo được nguồn thu nhập ổn định, an tâm làm việc và tạo động lực để cống hiến hết mình vì sự phát triển của Công ty.

Công tác tiền lương được thực hiện theo quy định của Pháp luật lao động, tuyệt đối tuân thủ quy chế tiền lương và các cam kết với người lao động. Người lao động được hưởng các chế độ thu nhập, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng. Thu nhập được trả căn cứ thị trường lao động, trình độ, năng lực, trách nhiệm, khối lượng công việc thực tế và kết quả công việc của cá nhân.

Biểu đồ thu nhập bình quân của người lao động qua các năm



Chính sách phúc lợi

Bên cạnh chính sách lương cơ bản, Công ty còn có các chế độ chính sách phúc lợi phù hợp với Bộ Luật Lao động, Luật BHXH, các chế độ phúc lợi theo Thỏa ước lao động tập thể: tham gia đầy đủ các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn 24/24, khám sức khỏe định kỳ hàng năm, trang bị đồng phục và đồ bảo hộ an toàn lao động v.v... Tuy nhiên, công ty hiện đang gặp khó khăn trong việc đóng BHXH, hiện đang phải duy trì chậm nộp BHXH 02 tháng và còn nợ lãi từ năm 2012. Trong năm chỉ thanh toán được công ngoài chức trách năm 2014 - 2019 cho thuyền viên đã nghỉ việc với số tiền gần 1,8 tỷ đồng.

Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Công tác bảo hộ lao động

Các đơn vị và cá nhân trong công ty có trách nhiệm tuân thủ các quy định của công ty và Luật Lao động về bảo hộ lao động, đặc biệt là đối với các Sĩ quan thuyền viên làm việc trên tàu biển nhằm bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ, góp phần hoạt động của Công ty có kết quả tốt, giảm thiểu rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Tình hình đầu tư

Do tình hình tài chính khó khăn và cơ chế chính sách chưa cho phép triển khai nên Công ty không thực hiện dự án đầu tư trong năm 2019.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,07	0,06
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,05	0,04
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	206,16%	265,66%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	-194,20%	-160,37%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	14,34	15,04
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,45	0,49
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Biên lợi nhuận gộp	%	-8,44%	-7,54%
Biên lợi nhuận ròng	%	-47,00%	-56,77%
Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA)	%	-21,15%	-27,92%
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	24,82%	21,08%

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt đạt mức 0,06 và 0,04 năm 2019, giảm so với mức 0,07 và 0,05 của năm 2018. Nguyên nhân của sự sụt giảm này là do tài sản ngắn hạn giảm mạnh hơn mức giảm của nợ ngắn hạn. Trong đó, tài sản ngắn hạn giảm chủ yếu do Công ty giảm các khoản mục vốn lưu động (hàng tồn kho, khoản phải thu). Đồng thời, Công ty cơ cấu lại nợ vay để giảm chi phí lãi vay và giảm lỗ, bao gồm việc tham gia hoàn thành thủ tục chuyển giao khoản nợ vay từ VCB sang DATC, được ngân hàng MSB và VPB giảm lãi vay, tăng cường trả nợ gốc giúp cho khoản nợ ngắn hạn giảm.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Sự an toàn trong nguồn vốn hoạt động luôn được Ban lãnh đạo chú trọng. Đặc thù hoạt động trong ngành vận tải biển, Công ty đã vay nợ để đầu tư vào tài sản cố định là đội tàu, nên nợ vay chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nợ. Những năm qua, do tình hình thị trường vận tải biển suy thoái, Công ty gặp khó khăn tài chính nên nợ tồn đọng khá lớn. Riêng năm 2019, nhờ Công ty bán thành công tàu Viễn Đông 5 với mức giá bán cao đã đáp ứng chủ trương cắt lỗ kinh doanh phát sinh hàng năm từ tàu hàng này và làm cho tài sản dài hạn của Công ty giảm 21% so với cùng kỳ năm 2018.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Thị trường tàu hàng khô rời chưa có dấu hiệu hồi phục và diễn biến phức tạp, tình trạng thừa tàu và khan hiếm hàng hóa thường xuyên khiến cho việc khai thác đội tàu của Vitranschart JSC cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Hàng tồn kho của công ty chủ yếu là nguyên vật liệu (nhiên liệu, dầu nhớt, phụ tùng, công cụ,...) dự trữ trên tàu nên phụ thuộc vào tuyến khai thác và chỉ mang tính thời điểm. Trong năm 2019, Công ty chủ yếu khai thác tàu theo hình thức cho thuê định hạn, nên hàng tồn kho dự trữ giảm 22%, vòng quay chuyển cũng tăng do bởi đội tàu chạy tuyến ngắn nhiều hơn so với cùng kỳ năm 2018.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Dù dòng tiền được cải thiện nhưng do gánh nặng của chi phí tài chính và chi phí khấu hao cao đã làm lợi nhuận trong năm âm. Tuy nhiên, nhờ vào sự đoàn kết, nhất trí cao của toàn thể CBNV trong Công ty, sự đồng thuận của Ban lãnh đạo Công ty trong việc hoạch định kế hoạch sản xuất kinh doanh và điều phối kế hoạch khai thác tàu hợp lý, sự chia sẻ khó khăn và đồng cảm của người lao động, đối tác... đã giúp Công ty duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh trong suốt năm qua, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phần	:60.999.337 cổ phần
Loại cổ phần	:Cổ phần phổ thông
Mệnh giá	:10.000 đồng/cổ phần
Số cổ phần đang lưu hành:	:60.999.337 cổ phần
Cổ phiếu quỹ	:Không có

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
I	Cổ đông trong nước	2.949	60.930.806	609.308.060.000	99,89%
1	Cổ đông nhà nước	1	29.888.000	298.880.000.000	49,00%
2	Cá nhân	33	9.386.464	93.864.640.000	15,39%
3	Tổ chức	2.915	21.656.342	216.563.420.000	35,50%
II	Cổ đông nước ngoài	18	68.531	685.310.000	0,11%
1	Cá nhân	3	568	5.680.000	0,00%
2	Tổ chức	15	67.963	679.630.000	0,11%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	0,00%
	Tổng cộng	2.967	60.999.337	609.993.370.000	100,00%



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

MÔI TRƯỜNG - NĂNG LƯỢNG

“ Công ty luôn chú trọng trong việc xây dựng định mức sử dụng các nguồn năng lượng, tuân thủ nghiêm túc các công ước quốc tế để giảm thiểu nguồn gây ô nhiễm môi trường như sử dụng nhiên liệu không vượt quá 0,5%S bắt đầu từ ngày 1/1/2020, áp dụng và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng định kỳ. Toàn thể cán bộ nhân viên Công ty luôn ý thức trong việc thực hành tiết kiệm năng lượng nhằm bảo vệ môi trường, vì mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. ”

Tiêu thụ nước

Công ty tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường, khuyến khích cán bộ, công nhân viên sử dụng tiết kiệm nước. Vấn đề ô nhiễm nguồn nước luôn được công ty chú trọng với việc tuân thủ các quy định về khu vực xả thải, tuân thủ trang bị hệ thống quản lý nước dẫn theo lộ trình bắt đầu từ năm 2021. Thực hiện quy định phân loại rác trên tàu, xả rác đúng quy định, rác không phân hủy được tập trung và chuyển lên bờ, nhằm giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực đến môi trường nhất là môi trường biển.



Tiêu thụ năng lượng

Kiểm soát chặt chẽ tiêu thụ nhiên liệu, dầu nhớt, vật tư, nước ngọt tránh thất thoát. Tăng cường giám sát lượng nhiên liệu tồn trên tàu và phối hợp thực hiện chuyển đổi nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh cao sang nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp đáp ứng qui định mới của IMO 2020, song song đó chuẩn bị cung ứng loại dầu nhớt mới tương thích để bảo đảm tình trạng hoạt động của máy móc trên tàu. Lên phương án thực hiện việc chuyển toàn bộ lượng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh cao ra khỏi tàu. Chủ động cung cấp hóa chất bổ sung vào két để thực hiện vệ sinh két được dễ dàng và giảm thiểu lượng cặn bỏ đi.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

VỀ XÃ HỘI

Chính sách liên quan đến người lao động

Nguồn lực con người với Công ty là tài sản giá trị lớn nhất và là yếu tố quyết định sự thành công trong các chiến lược của Công ty. Với mỗi người lao động vào làm việc, Công ty đều đảm bảo có một công việc phù hợp, có thu nhập và phúc lợi xứng đáng.

Công ty thực hiện ký kết hợp đồng lao động và chi trả lương cho người lao động đúng theo quy định của pháp luật và theo đúng quy chế nội bộ về nhân sự của Công ty, người lao động làm thêm giờ sẽ có chính sách phù hợp. Công ty luôn chú trọng khuyến khích công tác đào tạo, tự học hỏi để nâng cao tay nghề cho từng cá nhân. Bên cạnh đó, Công ty còn thường xuyên tổ chức, phát động các phong trào vui chơi, văn nghệ giải trí góp phần tạo mối liên kết bền chặt giữa các nhân viên với nhau. Với những biện pháp đã thực hiện, nguồn nhân sự của Công ty đang được đảm bảo để triển khai các kế hoạch kinh doanh trong tương lai.

Góp phần vào việc phát triển Công ty một cách bền vững, Công ty luôn quan tâm công tác an toàn lao động và bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, chăm lo cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao đời sống cho người lao động, bao gồm việc trang bị các phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động một cách tốt nhất, thường xuyên nghiên cứu cải thiện điều kiện làm việc, khám sức khỏe định kỳ hàng năm,...



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

VỀ XÃ HỘI

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương



Một doanh nghiệp phát triển bền vững phải đi đôi với các giá trị mà doanh nghiệp đó tạo ra cho xã hội, cộng đồng. Theo đó, Ban lãnh đạo cùng toàn thể nhân viên luôn tích cực tham gia các hoạt động xã hội nhằm góp phần chung tay xây dựng một cộng đồng phát triển. Hàng năm Công ty vẫn thực hiện tốt việc nuôi dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng, thăm và trao học bổng cho học sinh nghèo vượt khó, xây dựng nhà tình thương,....





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo phát triển bền vững



Tình hình kinh tế năm 2019

Thị trường tàu hàng khô rời những tháng đầu năm 2019 nhìn chung khá ảm đạm và giảm mạnh so với năm 2018.

Từ giữa tháng 6, thị trường có sự cải thiện rõ rệt, các chỉ số cước tăng vọt và duy trì đà tăng trong hơn hai tháng chủ yếu do nhu cầu vận chuyển các mặt hàng như quặng sắt, than và ngũ cốc tăng mạnh ở cả hai khu vực Thái Bình Dương và Đại Tây Dương, tập trung chủ yếu ở phân khúc tàu Capesize và Panamax.

Tuy nhiên, kể từ khi chỉ số BDI đạt mức tăng 2.518 điểm vào ngày 04/09/2019 thì ngay sau đó thị trường đã quay đầu giảm liên tục do tình hình chính trị trên thế giới bất ổn, cụ thể là thị trường phải chịu nhiều tác động từ cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, biến động giá nhiên liệu và những quy định về cắt giảm lượng khí thải của IMO có hiệu lực từ 01/01/2020.

Theo đó, chỉ số BDI bình quân Quý IV chỉ đạt 1.577 điểm, giảm 453 điểm (22%) so với Quý III nhưng vẫn tăng 217 điểm (16%) so với cùng kỳ năm 2018; Bình quân cả năm, BDI đạt 1.355 điểm, tương đương năm 2018; Chỉ số BHSI bình quân Quý IV chỉ đạt 565 điểm, giảm 11 điểm (2%) so với Quý III và giảm 78 điểm (12%) so với cùng kỳ năm 2018; BHSI cả năm đạt 491 điểm, giảm 106 điểm (18%) so với năm 2018.

Khu vực Châu Á (khu vực kinh doanh chủ yếu của đội tàu Vitranschart JSC), thị trường tàu Handysize, nhất là Handysize cỡ nhỏ không có chuyển biến tích cực và rất ít các báo cáo giao dịch. Nhiều tàu của Vitranschart JSC cho các nhà khai thác Trung Quốc, Hàn Quốc thuê có khi cũng phải nằm chờ hợp đồng cả tuần lễ vào tháng 7-8/2019 tại khu vực Bắc Trung Quốc, Hàn Quốc. Hàng ngũ cốc nhập khẩu vào Trung Quốc giảm trên 20% so với cùng kỳ. Các tàu handy cỡ nhỏ, nhất là loại 22.500 DWT khu vực Châu Á bị trả lại nhiều vào cuối Quý III, đầu Quý IV khi hết thời hạn tối thiểu, giá thuê tàu giảm khoảng 15-20% so với đầu năm nhưng cũng ít hợp đồng được gia hạn. Do vậy, giá cước cho thuê tàu của đội tàu của Công ty cũng liên tục giảm kể từ sau Quý I. Hơn thế nữa, đội tàu đã và đang hoạt động tại khu vực những nhiều cao của PSC (China, Russia, Indonesia, India...) cũng như hay vào các cảng vùng Viễn Đông của Nga với nhiều thuyền viên không có hộ chiếu thuyền viên hợp lệ nên chi phí cho PSC, Immigration (tại Nga) tăng cao. Đến giữa tháng 12 tình hình thị trường xấu nhiều do thị trường Trung Quốc trầm lắng, thị trường Nga đã vào mùa đông nên nhiều tàu hạn chế hoạt động, có lúc hàng trăm tàu chào mở spot trong khu vực châu Á, tập trung nhiều nhất Đông Nam Á, Trung Quốc.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

CHỈ TIÊU	TH 2018	KH 2019	TH 2019	TH 2019 / KH 2019	TH 2019 / TH 2018
Sản lượng vận chuyển (nghìn tấn)	1.248,22	1.016,50	1.676,31	165%	134%
Sản lượng luân chuyển (tỷ TKm)	6,08	4,76	5,14	108%	85%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	542,95	492,32	479,62	97%	88%
+ Kinh doanh vận tải	361,12	310,07	280,15	90%	78%
+ Kinh doanh cung ứng thuyền viên	180,75	182,25	199,36	109%	110%
+ Kinh doanh các dịch vụ khác	1,08	0	0,11	-	10%
Lãi (+)/Lỗ (-)	(255,17)	(298,97)	(272,26)	-	-
+ Kinh doanh vận tải	(258,73)	(289,13)	(252,20)	-	-
+ Kinh doanh cung ứng thuyền viên	7,17	8,86	12,42	140%	173%
+ Kinh doanh các dịch vụ khác	(3,61)	(18,70)	(32,49)	-	-

Sản lượng

So với kế hoạch **vượt 65%** do một số nguyên nhân sau:

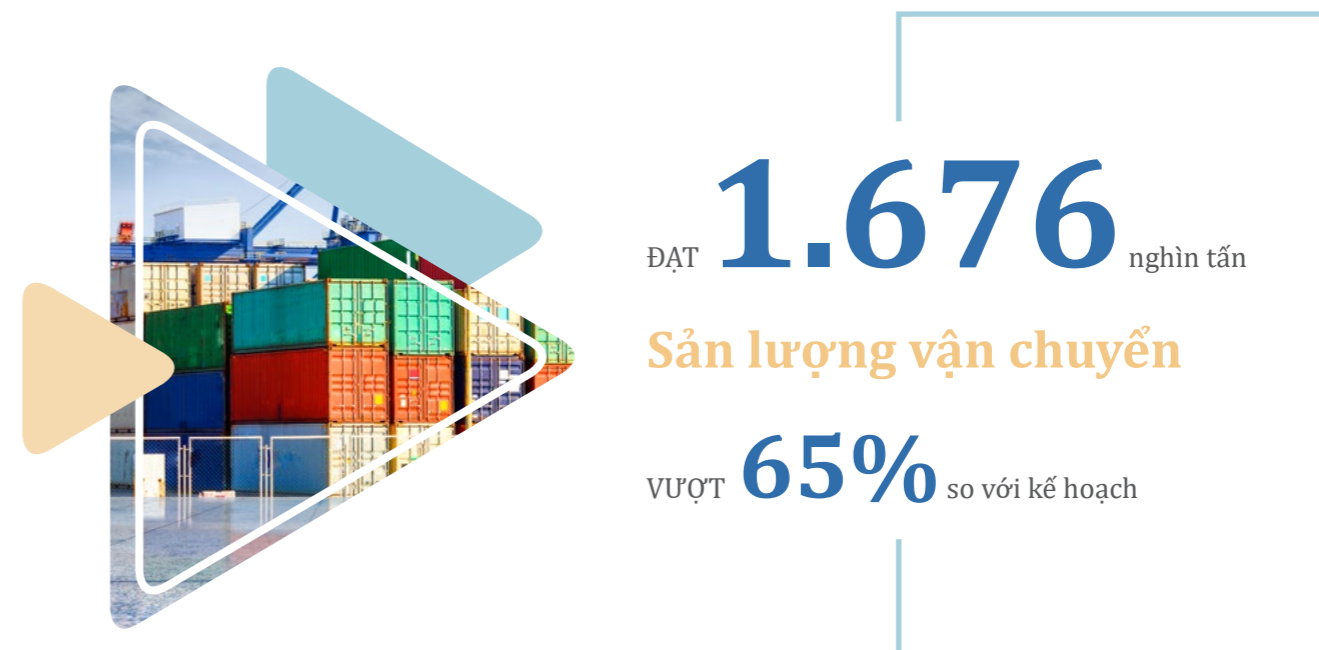
- Tàu được cho thuê định hạn nhiều hơn so với kế hoạch, tuyến chạy ngắn hơn, dẫn đến vòng quay chuyển tăng;
- Tàu Viễn Đông 5: Kế hoạch chỉ kinh doanh trong Quý I/2019, thực tế kinh doanh hết Quý II do việc thực hiện dự án bán tàu bị kéo dài; Tàu đã được bàn giao cho người mua vào ngày 03/7/2019.
- Tàu VTC Ocean: không được lập Kế hoạch 2019 do tàu bị giữ để thi hành án từ ngày 01/11/2018. Tuy nhiên, tàu đã được thi hành án giao lại cho Công ty từ ngày 14/5/2019 do bởi quyền chủ nợ đã chuyển từ ngân hàng Vietcombank sang Công ty mua bán nợ (DATC) kể từ ngày này. Công ty đã đưa tàu vào khai thác trở lại từ ngày 02/6/2019.

So với cùng kỳ: Sản lượng vận chuyển tăng 34% do một số tàu được chuyển từ tự khai thác tuyến xa sang cho thuê định hạn hoạt động ở các tuyến gần.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện gần 479,62 tỷ đồng, đạt 97% kế hoạch và giảm 12% so với cùng kỳ 2018, trong đó:

- Doanh thu vận tải biển thực hiện 280 tỷ đồng, đạt 90% kế hoạch và giảm 22% (gần 81 tỷ đồng) so với cùng kỳ do trọng tải bình quân và thời gian vận doanh giảm; một số tàu được chuyển từ tự khai thác sang cho thuê định hạn.
- Doanh thu các dịch vụ kinh doanh khác (cung ứng thuyền viên) thực hiện 199,5 tỷ đồng, vượt kế hoạch 9% và tăng 10%, tương đương 17,6 tỷ đồng so với cùng kỳ.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Lãi (lỗ)

Năm 2019 toàn công ty lỗ 272 tỷ đồng, giảm lỗ gần 27 tỷ đồng so với kế hoạch và giảm lỗ 17 tỷ đồng so với cùng kỳ. Trong đó:

Kinh doanh đội tàu lỗ 252 tỷ đồng, chủ yếu do chi phí khấu hao cao; chi phí tài chính ở mức rất cao chi phí liên quan đến việc thi hành án tàu VTC Ocean và chi phí trong thời gian tàu bị dừng hoạt động.

- So với kế hoạch đã giảm lỗ gần 37 tỷ đồng, chủ yếu từ chi phí hoạt động tài chính giảm mạnh, cụ thể lỗ chênh lệch tỷ giá giảm 18 tỷ đồng, lãi vay và lãi phạt giảm hơn 50 tỷ đồng do Công ty đạt được thỏa thuận với các ngân hàng.
- So với cùng kỳ giảm lỗ 6,5 tỷ đồng chủ yếu từ giảm lỗ chênh lệch tỷ giá 13,8 tỷ đồng.
- Trung tâm SCC: Năm 2019 lãi 12,4 tỷ đồng, vượt 19% so với kế hoạch 2019 và tăng 73% so với cùng kỳ 2018, chủ yếu lãi từ hoạt động cho thuê nước ngoài.
- Văn phòng công ty: Năm 2019 lỗ 32,5 tỷ đồng, bao gồm lỗ bán tàu Viễn Đông 5 và chi phí tàu VTC Ocean dừng khai thác. So với kế hoạch lỗ tăng gần 14 tỷ đồng và so với cùng kỳ tăng lỗ gần 29 đồng, chủ yếu từ các khoản lãi phạt do vi phạm hợp đồng tín dụng.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Dựa trên dự báo tình hình thị trường, năng lực của đội tàu và nguồn nhân lực của công ty, kế hoạch SXKD năm 2020 với các chỉ tiêu chủ yếu được dự kiến như sau:

Chỉ tiêu kế hoạch

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	KH 2020	KH 2020
Sản lượng vận chuyển	Nghìn Tấn	1.676,31	1.569,00	94%
Sản lượng luân chuyển	Tỷ TKm	5,14	4,59	89%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ VND	479,62	469,99	98%
+ Kinh doanh vận tải	Tỷ VND	280,15	287,75	103%
+ Kinh doanh cung ứng thuyền viên	Tỷ VND	199,36	182,17	91%
+ Kinh doanh các dịch vụ khác	Tỷ VND	199,47	182,24	91%
Lãi (+)/Lỗ (-)	Tỷ VND	(272,26)	(272,89)	-
+ Kinh doanh vận tải	Tỷ VND	(252,20)	(277,31)	-
+ Kinh doanh cung ứng thuyền viên	Tỷ VND	12,42	12,32	99%
+ Kinh doanh các dịch vụ khác	Tỷ VND	(20,06)	4,42	-

Kế hoạch đầu tư và thanh lý tài sản

- Công ty có chủ trương bán tàu Viễn Đông 3, VTC Planet và VTC Sun vào cuối năm 2020 khi thị trường mua bán tàu được cải thiện, đồng thời đạt được thỏa thuận với các tổ chức tín dụng;
- Tiếp tục thực hiện chủ trương đã được ĐHĐCĐ thường niên 2019 phê duyệt: thành lập Công ty con; thoái vốn tại CTCP Cung ứng dịch vụ Hàng Hải và xuất nhập khẩu Phương Đông, Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận,...



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

CÁC NHÓM GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Phát triển thị trường

Tăng cường hơn cho công tác marketing; tiếp tục củng cố các mối quan hệ đối tác với các đại lý ở các khu vực và tìm kiếm các đối tác mới;



Khai thác nguồn lực từ các cổ đông trong hợp tác dịch vụ, phát triển khách hàng, tăng cường nhân sự có kinh nghiệm, ... tạo ra nguồn phát triển dịch vụ mới;
Công tác tập trung ổn định sản phẩm dịch vụ và tăng cường hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy quản lý và kinh doanh là nhiệm vụ trọng tâm của năm 2020;

Tiếp tục củng cố giữ vững thị phần của các dịch vụ vận tải đường biển;

Tập trung củng cố chấn chỉnh bộ máy tổ chức quản lý, bổ sung nhân sự quản lý lãnh đạo; giải quyết tình hình công nợ tồn đọng;



Triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ cùng với các hình thức khuyến mãi dịch vụ ... để giữ và tăng lượng dịch vụ. Tiếp tục tăng cường thực hiện đào tạo cho cán bộ quản lý và nhân viên.

Về tài chính

Song song với việc kiến nghị cơ chế chính sách trong lĩnh vực kinh tế hàng hải, phù hợp chủ trương tại Nghị quyết 36 - NQ/TW ngày 22/10/2018 về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045, Công ty tiếp tục đàm phán với các ngân hàng để đạt được phương án tái cơ cấu tài chính khả thi tùy vào tình hình thực tế, bao gồm một trong các phương án sau:

- Lên kế hoạch hoàn trả nợ cho DATC;
- Thực hiện trả nợ gốc thiện chí hàng tháng cho đến khi tình hình tài chính khả quan hơn sẽ tăng dần số tiền trả nợ.

Công ty sẽ tiếp tục thực hiện đề án tái cơ cấu nhân sự và tài chính, cân đối nguồn tài chính hợp lý để thực hiện việc chi trả lương cho cán bộ công nhân viên, các khoản chi phí phục vụ hoạt động kinh doanh, trả nợ các khoản vay đến hạn.

Công nghệ thông tin

- Nghiên cứu và triển khai hệ thống quản lý đội tàu bằng phần mềm;
- Áp dụng công nghệ 4.0 vào hoạt động quản trị, điều hành tại Công ty;
- Chuyển sang sử dụng mã nguồn mở (Open source) trong hệ thống công nghệ thông tin tại Vitranschart để giảm chi phí bản quyền.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

CÁC NHÓM GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (bao gồm đội ngũ sỹ quan, thuyền viên)

- Tăng cường triển khai công tác tuyển dụng, đào tạo thuyền viên căn cứ vào kế hoạch kinh doanh, chiến lược kinh doanh của Công ty do Đại hội đồng cổ đông đề ra để xây dựng hệ thống tổ chức, tiêu chuẩn nhân sự đáp ứng nhu cầu công việc.
- Đánh giá đúng mức cán bộ trên cơ sở khả năng, năng lực công tác, có chính sách đãi ngộ, chính sách vật chất đối với cán bộ giỏi, có năng lực. Phân công công việc, định biên phù hợp với nhiệm vụ.
- Đối với SCCM, tiếp tục rà soát thường xuyên để phân loại: thuyền viên không muốn đi tàu, thuyền viên đang làm việc tại đơn vị khác, thuyền viên có ý thức kỷ luật kém, trình độ chuyên môn hạn chế, ... từ đó có chính sách phù hợp với từng nhóm thuyền viên nói trên.
- Tăng cường công tác kỷ luật lao động, thực hiện Bộ luật an toàn quốc tế, MLC 2006, chấp hành tốt các quy định của Công ty.
- Đào tạo và chuẩn bị nguồn nhân lực có đủ trình độ, kinh nghiệm và đạo đức để thực hiện các mục tiêu trung và dài hạn của Công ty.
- Triển khai hệ thống chỉ số đánh giá hiệu quả công việc trọng yếu (Key Performance Indicator - KPI) theo phương pháp thẻ điểm cân bằng (Balanced Scorecard - BSC) và tích hợp trả lương 3Ps.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về các mặt hoạt động của Công ty

Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị cùng Ban giám đốc đã chủ động đánh giá thị trường, căn cứ tình hình kinh doanh thực tiễn để ban hành các Nghị quyết, quyết định theo đúng thẩm quyền, cố gắng tận dụng các cơ hội thị trường và đàm phán với các tổ chức tín dụng để cùng công ty đạt được kết quả như đã nêu tại phần III- Báo cáo Ban Tổng Giám đốc.



ĐẠT **479,62** tỷ đồng
DOANH THU THUẦN



Hiệu quả sản xuất kinh doanh

Trong bối cảnh nền kinh tế tiếp tục gặp nhiều khó khăn và tình hình cạnh tranh gay gắt, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã bị ảnh hưởng khá lớn như đã trình bày tại Báo cáo Ban Tổng Giám đốc. Theo đó, Hội đồng quản trị Công ty tự đánh giá đã hoàn thành hầu hết các mục tiêu kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 97% kế hoạch do doanh thu vận tải biển chỉ đạt 90% kế hoạch, trọng tải bình quân và thời gian vận doanh đội tàu giảm, một số tàu được chuyển từ tự khai thác sang cho thuê định hạn.
- Sản lượng vận chuyển năm 2019 đạt 1.676 nghìn tấn, tăng 65% so với kế hoạch 2019;
- Sản lượng luân chuyển năm 2019 đạt hơn 5 tỷ tấn, tăng 8% so với kế hoạch 2019;
- Lãi/Lỗ trước thuế năm 2019 đạt âm 272,26 tỷ đồng, giảm lỗ 9% so với kế hoạch 2019.

Tình hình đầu tư

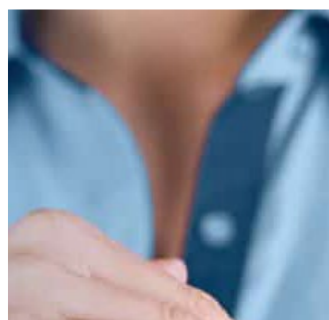
- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 đã chấp thuận chủ trương thành lập Công ty con (Công ty TNHH hoạt động trong lĩnh vực: Vận tải hàng hóa ven biển, thuê và cho thuê tàu biển; môi giới cung ứng dịch vụ hàng hải, văn phòng cho thuê,...với vốn điều lệ dự kiến 20 tỷ đồng). Tuy nhiên trong năm 2019, do nhận thấy thời điểm chưa thuận lợi để triển khai, nên công ty tạm dừng phương án thành lập Công ty con và dự kiến sẽ lựa chọn thời điểm cũng như cơ hội phù hợp để thực hiện trong những năm tới.

- Tạm ngưng hoạt động Chi nhánh Trung tâm đào tạo thuyền viên SCC và hoàn thành các giấy phép, sơ đồ tổ chức, quy chế, quy định, chuyển dịch lao động từng phần... để cho Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC (SCCM) chính thức đi vào hoạt động và có doanh thu kể từ ngày 01/01/2020;



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc



Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết và quyết định của HĐQT trong công tác quản lý và điều hành. Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo các bộ phận liên quan để hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận đề ra.



Ban Tổng Giám đốc đã rất nỗ lực trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019, triển khai đầy đủ, kịp thời các chủ trương, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị và báo cáo chi tiết kết quả thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao. Từ đó những kết quả đạt được trên tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đã tiếp tục duy trì và củng cố được lòng tin từ đối tác, khách hàng, cổ đông. Hội đồng Quản trị tin tưởng với các giải pháp chắc chắn, linh hoạt trong công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc sẽ góp phần giữ được sự ổn định trong hoạt động sản xuất, từng bước tìm kiếm và chinh phục các thị trường mới trong khu vực và quốc tế trong bối cảnh còn vô vàn khó khăn phức tạp.



Kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

- Tiếp tục theo sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc duy trì hoạt động ổn định và lành mạnh hóa tình hình tài chính của Công ty;
- Tiếp tục nghiên cứu nhằm phát triển lĩnh vực kinh doanh mới có hiệu quả khi có thể;
- Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro, quản trị công ty, cải tiến kỹ thuật, tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng suất làm việc, cập nhật số liệu sản xuất kinh doanh một cách kịp thời, qua đó góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm;

- Tiếp tục nâng cao đời sống và thu nhập cho người lao động, cải thiện môi trường làm việc để hấp dẫn và nâng cao sức sáng tạo, cống hiến, gắn bó của người lao động với Công ty;
- Duy trì và đảm bảo thực hiện việc Công bố thông tin đúng theo quy định của pháp luật;
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh 2020 phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, theo sát diễn biến của nền kinh tế và thị trường vận tải;
- Tập trung nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Huỳnh Nam Anh	Chủ tịch HĐQT	04	100%	
2	Phạm Thị Cẩm Hà	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	04	100%	
3	Trần Quang Toàn	Thành viên HĐQT	02	50%	Bổ nhiệm ngày 19/04/2019
4	Nguyễn Minh Cường	Thành viên HĐQT	04	100%	
5	Mai Thị Thu Vân	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	04	50%	Miễn nhiệm ngày 19/04/2019
6	Nguyễn Thị Minh Ngọc	Thành viên HĐQT	02	100%	-

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty có 03 nhóm công tác gồm: Nhóm Kế hoạch và chiến lược phát triển Công ty; Nhóm Nhân sự và lương thưởng, Nhóm Quản lý tài chính và kiểm toán. Thành viên của các Nhóm công tác đã thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ của mình theo Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT Công ty.

Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
01	QĐ-HĐQT	09/01/2019	Quyết định v/v định thành lập Ban tổ chức ĐHCĐ thường niên 2019
02	QĐ-HĐQT	11/01/2019	Quyết định v/v nâng bậc lương năm 2018 đối với bà PTC Hà
03	QĐ-HĐQT	11/01/2019	Quyết định v/v nâng bậc lương chuyên viên chính năm 2018 đối với ông VNT Quang
04	QĐ-HĐQT	11/01/2019	Quyết định v/v chuyển khung lương khối chuyên viên sang chuyên viên chính năm 2018

Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị (tt)

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
05	NQ-HĐQT	22/02/2019	Nghị quyết phiên họp HĐQT ngày 22/02/2019
06	NQ-HĐQT	01/03/2019	Nghị quyết v/v tổ chức ĐHCĐ thường niên 2019
07	NQ-HĐQT	15/03/2019	Nghị quyết v/v mua bán khoản nợ tại VCB
08	QĐ-HĐQT	19/04/2019	Quyết định v/v phê duyệt dự án bán tàu Viễn Đông 5
09	NQ-HĐQT	08/05/2019	Nghị quyết v/v chấp thuận nội dung BB làm việc với DATC
10	NQ-HĐQT	28/05/2019	Nghị quyết phiên họp HĐQT ngày 24/05/2019
11	QĐ-HĐQT	06/06/2019	Quyết định v/v thành lập Hội đồng thanh lý nhượng bán tàu Viễn Đông 5
12	QĐ-HĐQT	11/06/2019	Quyết định v/v bán tàu Viễn Đông 5
13	NQ-HĐQT	17/06/2019	Nghị quyết về công tác cán bộ công ty
14	QĐ-HĐQT	17/06/2019	Quyết định v/v bổ sung ngành nghề của SCCM
15	NQ-HĐQT	10/07/2019	Nghị quyết về công tác cán bộ công ty
16	QĐ-HĐQT	17/07/2019	Quyết định v/v bổ nhiệm bà Mai Thị Thu Vân giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc
17	QĐ-HĐQT	17/07/2019	Quyết định v/v bổ nhiệm bà Lê Kim Phượng giữ chức vụ Kế toán trưởng
18	QĐ-HĐQT	17/07/2019	Quyết định v/v miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với bà Mai Thị Thu Vân
19	NQ-HĐQT	24/07/2019	Nghị quyết phiên họp HĐQT ngày 23/07/2019
20	QĐ-HĐQT	24/07/2019	Quyết định v/v biểu dương thành tích xuất sắc trong vụ việc tàu VTC Ocean
21	QĐ-HĐQT	24/07/2019	Quyết định v/v biểu dương thành tích xuất sắc trong việc bán tàu Viễn Đông 5



Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị (tt)

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
22	QĐ-HĐQT	30/07/2019	Quyết định v/v thôi giữ nhiệm vụ kiểm soát viên SCCM đối với bà Châu Mỹ Hà
22a	QĐ-HĐQT	30/07/2019	Quyết định v/v bổ nhiệm kiểm soát viên SCCM đối với ông Nguyễn Đồng Mạnh
23	QĐ-HĐQT	11/09/2019	Quyết định v/v cử cán bộ đi công tác nước ngoài
24	QĐ-HĐQT	18/10/2019	Quyết định v/v Thành lập Ban chỉ đạo chấm dứt hoạt động Chi nhánh SCC , thành lập Công ty TNHH MTV
25	NQ-HĐQT	23/10/2019	Nghị quyết phiên họp HĐQT ngày 23/10/2019
26	QĐ-HĐQT	01/11/2019	Quyết định v/v triển khai hệ thống BSC-KPI-3Ps
27	QĐ-HĐQT	06/11/2019	Quyết định v/v bổ sung ngành nghề của SCCM
28	QĐ-HĐQT	02/12/2019	Quyết định v/v tạm dừng hoạt động Chi nhánh SCC
29	QĐ-HĐQT	26/12/2019	Quyết định v/v bổ sung ngành nghề của SCCM
30	QĐ-HĐQT	27/12/2019	Quyết định v/v bổ nhiệm ông Nguyễn Đức Huy giữ chức Trưởng VP đại diện công ty tại Hà Nội

Danh sách Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Lã Thị Liên Hương	Trưởng ban	4/4	100%	
2	Hoàng Thị Thanh Phương	Thành viên	4/4	100%	
3	Nguyễn Thị Băng Tâm	Thành viên	4/4	100%	

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc:

- Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát việc chấp hành tuân thủ Điều lệ công ty và quy định của pháp luật trong hoạt động quản lý của HĐQT, hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc, trong đó đã kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên;
- Thẩm định, đánh giá Báo cáo tài chính năm 2019, nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam;
- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, dịch vụ toàn Công ty trong năm 2019 thông qua các báo cáo quý, bán niên và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12. Thực hiện phân tích số liệu của báo cáo tài chính, đánh giá các chỉ số và tình hình tài chính của Công ty;
- Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị để nắm bắt kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh và đóng góp ý kiến/kiến nghị cho các hoạt động quản trị, điều hành của Công ty;
- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận chức năng của Công ty phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động, thu thập thông tin, tài liệu phục vụ kiểm tra, giám sát.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Lương	Thù lao
Hội đồng quản trị			
1	Ông Huỳnh Nam Anh	629.617.822	
2	Bà Phạm Thị Cẩm Hà		43.200.000
3	Bà Mai Thị Thu Vân		32.400.000
4	Ông Nguyễn Minh Cường		32.400.000
5	Ông Trần Quang Toàn (T4-T12/2019)		22.500.000
6	Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc (T1-T4/2019)		9.900.000
Ban kiểm soát			
1	Bà Hoàng Thị Thanh Phương		32.400.000
2	Bà Nguyễn Thị Băng Tâm		32.400.000
3	Bà Lã Thị Liên Hương		32.400.000
Ban điều hành			
1	Bà Phạm Thị Cẩm Hà	581.691.262	
2	Ông Đặng Hiếu	455.806.721	
3	Bà Mai Thị Thu Vân	218.338.553	



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Note

Non-current assets
Property, plant and equipment
Intangible assets
Subsidiaries
Associates
Investments
Receivables

3
4
5
6
7
8
9

50

2

10
11
12

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 05 tháng 02 năm 2018 với mã số doanh nghiệp là 0300448709.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Nam Anh	Chủ tịch	
Bà Phạm Thị Cẩm Hà	Phó Chủ tịch	
Ông Trần Quang Toàn	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 19/04/2019
Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 19/04/2019
Ông Nguyễn Minh Cường	Ủy viên	
Bà Mai Thị Thu Vân	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Cẩm Hà	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Mai Thị Thu Vân	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Liên Hương	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Thanh Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Băng Tâm	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Phạm Thị Cẩm Hà
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được lập ngày 20 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2019, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 1.893 tỷ đồng, lỗ lũy kế là 2.053 tỷ đồng, chỉ tiêu vốn chủ đã bị âm 1.429 tỷ đồng. Đồng thời tại thuyết minh số 19 - Vay, các khoản nợ vay đã quá hạn thanh toán lên tới 736 tỷ đồng, của Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Á Châu. Công ty chưa có phương án hiệu quả để khắc phục khả năng thanh khoản cũng như tìm kiếm được nguồn tiền để thanh toán cho các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng tới trong điều kiện hoạt động bình thường. Công ty cũng đang đối mặt với các vụ kiện của Ngân hàng về việc phải thanh toán ngay các khoản vay và không thể đảm bảo thanh toán nếu bị xử thua và bị thi hành án. Thực tế này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính và các thuyết minh kèm theo chưa trình bày đầy đủ các vấn đề này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt. Kiểm toán viên đã đưa ra Báo cáo kiểm toán có dạng ý kiến ngoại trừ về khả năng hoạt động liên tục đối với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 26/03/2019.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020



Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1369-2018-002-1

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM
DN: C=VN, S=Hà Chí Minh, L=Quận 4, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0300448709
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2020-03-26 14:51:22

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU
BIỂN VIỆT NAM

PI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		117.877.020.730	137.826.194.571
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	51.848.050.788	36.095.393.531
111	1. Tiền		38.348.050.788	26.595.393.531
112	2. Các khoản tương đương tiền		13.500.000.000	9.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		27.816.770.863	43.773.631.035
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	6.872.552.767	9.218.498.603
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4.187.644.735	8.794.000.129
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	28.055.150.478	38.427.747.029
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(11.298.577.117)	(12.666.614.726)
140	IV. Hàng tồn kho	9	29.391.466.015	38.088.095.967
141	1. Hàng tồn kho		29.391.466.015	38.088.095.967
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.820.733.064	19.869.074.038
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	170.633.166	349.449.373
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		8.627.534.267	19.497.059.034
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	22.565.631	22.565.631
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		744.512.365.427	951.269.408.164
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		23.279.531.971	46.692.237.060
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	23.279.531.971	46.692.237.060
220	II. Tài sản cố định		707.182.147.084	891.584.481.119
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	707.130.761.834	891.584.481.119
222	- Nguyên giá		2.348.328.424.004	2.469.891.624.213
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.641.197.662.170)	(1.578.307.143.094)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	51.385.250	-
228	- Nguyên giá		8.069.867.315	8.011.141.315
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.018.482.065)	(8.011.141.315)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	625.985.288	625.985.288
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		625.985.288	625.985.288
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	3.889.516.552	4.603.150.880
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.889.516.552	2.603.150.880
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.000.000.000	2.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		9.535.184.532	7.763.553.817
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	9.535.184.532	7.763.553.817
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		862.389.386.157	1.089.095.602.735

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤTTại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.290.987.085.385	2.245.289.640.055
310	I. Nợ ngắn hạn		2.011.268.900.658	2.036.954.128.453
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	55.482.271.599	41.901.158.265
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	5.968.608.302	9.240.343.811
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	347.276.794	225.770.020
314	4. Phải trả người lao động		44.263.535.410	30.557.176.497
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	829.770.386.935	742.160.564.780
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		2.059.981.888	2.291.988.158
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	37.230.126.205	30.890.207.959
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	1.034.170.571.721	1.177.570.597.159
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.976.141.804	2.116.321.804
330	II. Nợ dài hạn		279.718.184.727	208.335.511.602
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	8.636.319.178	8.636.589.178
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	270.478.568.860	199.238.352.600
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		603.296.689	460.569.824
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(1.428.597.699.228)	(1.156.194.037.320)
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	(1.428.597.699.228)	(1.156.194.037.320)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		609.993.370.000	609.993.370.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		609.993.370.000	609.993.370.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		88.258.000	88.258.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.662.314.492	9.662.314.492
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.840.727.077	4.840.727.077
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(2.053.182.368.797)	(1.780.778.706.889)
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		(1.780.778.706.889)	(1.525.479.050.092)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(272.403.661.908)	(255.299.656.797)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		862.389.386.157	1.089.095.602.735

Lê Kim Phượng
Kế toán trưởngMai Thị Thu Vân
Phó Tổng Giám đốc Tài chínhPhạm Thị Cẩm Hà
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	479.621.574.755	542.948.179.255
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	8.169.614.327	10.574.851.954
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		471.451.960.428	532.373.327.301
11	4. Giá vốn hàng bán	23	507.597.124.521	578.201.911.566
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(36.145.164.093)	(45.828.584.265)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	4.393.831.791	2.438.447.111
22	7. Chi phí tài chính	25	77.849.961.392	132.549.939.201
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		71.909.624.129	113.626.790.391
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(713.634.328)	(632.045.363)
25	9. Chi phí bán hàng	26	3.241.188.970	4.507.812.006
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	30.838.062.363	44.316.061.703
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(144.394.179.355)	(225.395.995.427)
31	12. Thu nhập khác	28	1.751.886.107	1.465.335.707
32	13. Chi phí khác	29	129.618.641.795	31.242.588.004
40	14. Lợi nhuận khác		(127.866.755.688)	(29.777.252.297)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(272.260.935.043)	(255.173.247.724)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		142.726.865	126.409.073
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(272.403.661.908)	(255.299.656.797)
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		(272.403.661.908)	(255.299.656.797)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	(4.466)	(4.185)

Lê Kim Phụng
Kế toán trưởng

Mai Thị Thu Vân
Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Phạm Thị Cẩm Hà
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(272.260.935.043)	(255.173.247.724)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		147.441.342.697	149.856.556.978
03	- Các khoản dự phòng		(1.368.037.609)	11.359.335.429
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(3.506.490.705)	16.227.696.714
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		7.436.519.156	(1.879.846.294)
06	- Chi phí lãi vay		71.909.624.129	113.626.790.391
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(50.347.977.375)	34.017.285.494
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		51.627.319.861	26.607.265.900
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		8.696.629.952	4.466.069.089
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		93.204.841.357	(132.669.952.146)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.592.814.508)	95.701.599.534
14	- Tiền lãi vay đã trả		(10.000.000.000)	(512.069.448)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(140.180.000)	(233.870.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		91.447.819.287	27.376.328.423
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.006.902.249)	(7.490.370.511)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		32.819.909.091	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	2.500.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		425.099.668	247.209.469
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		30.238.106.510	(4.743.161.042)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(105.889.538.780)	(8.173.633.123)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(105.889.538.780)	(8.173.633.123)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		15.796.387.017	14.459.534.258

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		36.095.393.531	22.357.272.993
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(43.729.760)	(721.413.720)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>51.848.050.788</u>	<u>36.095.393.531</u>


Lê Kim Phượng
Kế toán trưởng

Mai Thị Thu Vân
Phó Tổng Giám đốc Tài chínhPhạm Thị Cẩm Hà
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 05 tháng 02 năm 2018 với mã số doanh nghiệp là 0300448709.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 609.993.370.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 609.993.370.000 đồng; tương đương 60.999.337 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế. Dịch vụ tiếp vận. Dịch vụ khai thuê hải quan. Cho thuê kho bãi, container. Dịch vụ đại lý tàu biển. Môi giới thuê tàu biển. Cân hàng hóa liên quan đến vận tải;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Xuất khẩu lao động;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa tàu biển;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị, phụ tùng ngành vận tải biển, vật tư, hóa chất, sơn phục vụ sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu ngành xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở).

Đặc điểm hoạt động trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Thị trường cước tàu hàng khô rời năm 2019 phải chịu nhiều tác động từ cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, biến động giá nhiên liệu và những quy định về ngăn ngừa ô nhiễm môi trường do tàu biển gây ra sắp có hiệu lực. Doanh thu vận tải năm 2019 của đội tàu Công ty giảm 11% so với năm 2018 một phần do ảnh hưởng của thị trường, một phần do Công ty không có doanh thu từ tàu Viễn Đông 5 đã bàn giao cho người mua từ ngày 03/07/2019.

Tại thời điểm 31/12/2019, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 1.893 tỷ đồng, lỗ lũy kế là 2.053 tỷ đồng, chỉ tiêu vốn chủ đã bị âm 1.429 tỷ đồng. Đồng thời các khoản nợ vay đã quá hạn thanh toán là 736 tỷ đồng. Công ty phân đầu giảm lỗ tối đa trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và tìm kiếm cơ hội tái cơ cấu tài chính để bù đắp phần lỗ, đưa lợi nhuận của Công ty về mức cân bằng. Với các kế hoạch và định hướng đã đề ra Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm tài chính 2019 trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có 01 công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2019 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC (SCCM)	Tp. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Xuất khẩu lao động, cung ứng thuyền viên

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ, tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc: Công ty sử dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.15 . Vay

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống ...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho người lao động và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm hoạt động cho thuê tàu biển được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là giảm giá hàng bán.

Khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	387.300	27.385.900
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	38.347.663.488	26.568.007.631
- Tiền Việt Nam	6.435.560.616	5.605.335.812
- Tiền Ngoại tệ	31.912.102.872	20.962.671.819
Các khoản tương đương tiền	13.500.000.000	9.500.000.000
	51.848.050.788	36.095.393.531

Tại ngày 31/12/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng và 03 tháng có tổng giá trị 13.500.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất là 4,9%/năm và 5,0%/năm.

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Tạm ứng	6.392.406.360	-	8.332.463.862	-
- Ký cược, ký quỹ	73.194.472	-	58.244.800	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashinlines ⁽¹⁾	9.033.915.535	(9.033.915.535)	9.033.915.535	(9.033.915.535)
- Quỹ Sứ hữu Cổ phần VST	-	-	6.798.720.000	-
- Công đoàn Hàng hải Phần Lan (FSU)	-	-	1.368.037.609	(1.368.037.609)
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam ⁽²⁾	1.208.068.467	(1.208.068.467)	1.208.068.467	(1.208.068.467)
- Phải thu khác	11.347.565.644	(52.626.002)	11.628.296.756	(52.626.002)
	28.055.150.478	(10.294.610.004)	38.427.747.029	(11.662.647.613)
b) Dài hạn				
- Khoản ký cược, ký quỹ cho hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Trung Thủy Lancaster ⁽³⁾	19.195.031.971	-	19.607.737.060	-
- Ký cược, ký quỹ	4.084.500.000	-	27.084.500.000	-
	23.279.531.971	-	46.692.237.060	-

(1) Khoản tiền hỗ trợ sửa chữa con tàu Vinashin Eagle chi trả thay cho Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashinlines;

(2) Khoản chi trả hộ công nợ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam;

(3) Khoản ký quỹ để thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2015/HĐ-TTL ngày 24/07/2015 với Công ty TNHH Trung Thủy Lancaster. Hợp đồng hợp tác đầu tư lập ra pháp nhân mới là Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận để thực hiện dự án căn hộ kết hợp thương mại dịch vụ tại khu II số 428 Nguyễn Tất Thành, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Khoản ký quỹ này đã được Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam phong tỏa. Xem thêm Thuyết minh số 04 - Các khoản đầu tư tài chính và Thuyết minh số 17 - Phải trả khác.

8 . NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
	- Công ty TNHH MTV vận tải viễn dương Vinashin (Vinashinlines)	9.033.915.535	-	9.033.915.535
- Công đoàn Hàng hải Phần Lan (FSU)	-	-	1.368.037.609	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (Falcon)	1.208.068.467	-	1.208.068.467	-
- Các khoản khác	1.056.593.115	-	1.056.593.115	-
	11.298.577.117	-	12.666.614.726	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	17.754.724.675	-	27.335.345.273	-
Công cụ, dụng cụ	11.636.741.340	-	10.752.750.694	-
	29.391.466.015	-	38.088.095.967	-

10 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	625.985.288	625.985.288
- Dự án xây dựng cải tạo tòa nhà văn phòng khu I số 428 Nguyễn Tất Thành	625.985.288	625.985.288
	625.985.288	625.985.288

Khu đất 428 Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh bao gồm 2 khu đất. Trong đó Khu I với diện tích 1.053,8 m² đang được Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty thuê (thuê đất trả tiền hàng năm) và sử dụng làm trụ sở làm việc. Khu II với diện tích 2.165,8 m² đang thuộc quyền sử dụng của Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận thực hiện triển khai dự án Căn hộ kết hợp thương mại dịch vụ.

Trên diện tích đất của Công ty đang quản lý sử dụng Công ty có kế hoạch triển khai thực hiện dự án đầu tư văn phòng làm việc. Dự án đầu tư văn phòng làm việc đã bắt đầu khảo sát từ năm 2010 tuy nhiên do tình hình tài chính của Công ty gặp nhiều khó khăn nên tạm thời chưa triển khai. Công ty căn cứ vào tình hình tài chính sắp tới để có các xử lý phù hợp.



11 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	8.191.134.400	3.462.520.000	2.452.359.734.990	5.878.234.823	-	2.469.891.624.213
- Mua trong năm	-	2.523.704.431	222.981.818	201.490.000	-	2.948.176.249
- Thanh lý, nhượng bán	-	(314.480.000)	(124.063.846.458)	(133.050.000)	-	(124.511.376.458)
Số dư cuối năm	8.191.134.400	5.671.744.431	2.328.518.870.350	5.946.674.823	-	2.348.328.424.004
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	7.545.254.192	2.577.917.222	1.562.406.999.418	5.776.972.262	-	1.578.307.143.094
- Khấu hao trong năm	360.444.405	695.393.629	146.324.304.953	53.858.960	-	147.434.001.947
- Thanh lý, nhượng bán	-	(314.480.000)	(84.095.952.871)	(133.050.000)	-	(84.543.482.871)
Số dư cuối năm	7.905.698.597	2.958.830.851	1.624.635.351.500	5.697.781.222	-	1.641.197.662.170
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	645.880.208	884.602.778	889.952.735.572	101.262.561	-	891.584.481.119
Tại ngày cuối năm	285.435.803	2.712.913.580	703.883.518.850	248.893.601	-	707.130.761.834

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 703.541.224.154 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13.506.154.948 đồng.

11 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán có nguyên giá đầu năm là 8.011.141.315 tỷ đồng, giá trị tài sản tăng thêm trong năm là 58.726.000 đồng và giá trị hao mòn lũy kế tới thời điểm 31/12/2019 là 8.018.482.065 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	90.330.998	229.973.249
Chi phí bảo hiểm đội tàu, hỏa hoạn	77.545.168	97.543.942
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.757.000	21.932.182
	170.633.166	349.449.373
b) Dài hạn		
Sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	8.597.014.640	7.521.687.622
Công cụ dụng cụ xuất dùng	862.081.825	132.632.574
Chi phí trả trước dài hạn khác	76.088.067	109.233.621
	9.535.184.532	7.763.553.817

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Bảo Minh	3.964.478.652	-	3.794.992.294	3.794.992.294
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xích Đạo	4.177.182.615	-	3.664.484.153	3.664.484.153
Phải trả các đối tượng khác	47.340.610.332	-	34.441.681.818	34.441.681.818
	55.482.271.599	-	41.901.158.265	41.901.158.265
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	2.041.026.828	2.041.026.828	2.252.384.966	2.252.384.966

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Daedong Shipping Co., Ltd	585.369.176	2.168.805.196
Shengfa Shipping (Hong Kong) Co., Ltd	1.113.945.130	-
Seacon Shipping Group Limited	3.681.301.297	-
Đối tượng khác	587.992.699	7.071.538.615
	5.968.608.302	9.240.343.811



15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm	
	VND		VND		VND		VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-		179.013.935		2.165.128.905		-	214.786.501
Thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-		-		323.681.419		-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-		-		215.186.953		-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	22.565.631		-		-		22.565.631	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-		46.756.085		503.591.267		-	132.490.293
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		5.717.196.973		-	-
Các loại thuế khác	-		-		2.000.000		-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		8.800.000		-	-
	22.565.631		225.770.020		8.935.585.517		22.565.631	347.276.794

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	822.635.077.652	727.021.081.405
- Cảng phí nước ngoài	744.403.961	3.661.882.981
- Tiền ăn của thuyền viên	2.829.128.030	4.547.466.845
- Chi phí phải trả tại Trung tâm ĐT MG & XKTVPN (SCC)	632.333.440	2.326.711.818
- Trích trước chi phí bồi thường tổn thất hàng hóa	717.460.788	3.260.294.315
- Chi phí phải trả khác	2.211.983.064	1.343.127.416
	829.770.386.935	742.160.564.780

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	10.361.508	-
- Kinh phí công đoàn	5.967.109.563	1.477.369.282
- Bảo hiểm xã hội	4.306.428.091	3.901.557.803
- Bảo hiểm y tế	168.196.317	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	62.049.951	-
- Công ty TNHH Tân Thuận Landcaster (*)	19.195.031.971	19.336.217.141
- Khoản mượn tiền bà Dương Thanh Thủy lãi suất 0%	2.000.000.000	2.000.000.000
- Khoản lãi chậm trả Công ty Cổ phần Cung ứng Dịch vụ Hàng hải và XNK Phương Đông (PDIMEX JSC)	1.048.676.014	1.048.676.014
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.472.272.790	3.126.387.719
	37.230.126.205	30.890.207.959
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	231.730.000	232.000.000
- Phải trả Công ty Đóng tàu Bạch Đằng tàu VTC Phoenix	8.404.589.178	8.404.589.178
	8.636.319.178	8.636.589.178
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	1.048.676.014	1.048.676.014
- Công ty Cổ phần Cung ứng Dịch vụ Hàng hải và XNK Phương Đông	1.048.676.014	1.048.676.014
	1.048.676.014	1.048.676.014
d) Phải trả khác là các bên liên quan	1.048.676.014	1.048.676.014

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

(*) Khoản nhận ký quỹ của Công ty TNHH Trung Thủy Lancaster để đảm bảo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2015/HD-TTL ngày 24/07/2015. Khoản ký quỹ này đã được Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam phong tỏa.



NG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (1)	333.557.129.159	333.557.129.159	-	130.917.794.374	202.639.334.785	202.639.334.785
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở (2)	105.387.602.656	105.387.602.656	-	17.083.338.836	88.304.263.820	88.304.263.820
- Ngân hàng TMCP Á Châu (3)	12.705.107.640	12.705.107.640	-	4.881.116.117	7.823.991.523	7.823.991.523
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM	106.546.241.831	106.546.241.831	-	35.162.389	106.511.079.442	106.511.079.442
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II (4)	108.918.177.032	108.918.177.032	-	108.918.177.032	-	-
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (1)	757.562.268.000	757.562.268.000	85.075.522.548	106.527.336.612	736.110.453.936	736.110.453.936
- Ngân hàng TMCP Á Châu (3)	17.192.000.000	17.192.000.000	5.764.000.000	400.000.000	22.556.000.000	22.556.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II (4)	328.632.683.400	328.632.683.400	-	278.201.741	328.354.481.659	328.354.481.659
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đông Bắc (5)	30.380.000.000	30.380.000.000	6.240.000.000	32.620.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Tp.HCM (6)	206.367.600.000	206.367.600.000	35.100.000.000	6.450.000.000	235.017.600.000	235.017.600.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây	111.723.584.600	111.723.584.600	37.971.522.548	3.512.734.871	146.182.372.277	146.182.372.277
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây	63.266.400.000	63.266.400.000	-	63.266.400.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

17 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (1)	86.451.200.000	86.451.200.000	104.439.180.548	95.469.597.548	95.420.783.000	95.420.783.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu (3)	5.764.000.000	5.764.000.000	4.343.375.000	5.764.000.000	4.343.375.000	4.343.375.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II (4)	1.392.000.000	1.392.000.000	1.392.455.000	1.394.075.000	1.390.380.000	1.390.380.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đông Bắc (5)	6.240.000.000	6.240.000.000	4.676.000.000	6.240.000.000	4.676.000.000	4.676.000.000
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Tp.HCM (6)	35.100.000.000	35.100.000.000	35.100.000.000	35.100.000.000	35.100.000.000	35.100.000.000
- Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (7)	37.955.200.000	37.955.200.000	37.927.350.548	37.971.522.548	37.911.028.000	37.911.028.000
- Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (7)	-	-	21.000.000.000	9.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
	1.177.570.597.159	1.177.570.597.159	189.514.703.096	332.914.728.534	1.034.170.571.721	1.034.170.571.721





17 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị		Tăng		Giảm	
	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (1)	27.299.375.000	27.299.375.000	-	400.000.000	26.899.375.000	26.899.375.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu (3)	338.111.461.000	338.111.461.000	-	1.678.037.455	336.433.423.545	336.433.423.545
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II (4)	41.296.000.000	41.296.000.000	-	32.620.000.000	8.676.000.000	8.676.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khu vực Đông Bắc (5)	290.756.600.000	290.756.600.000	-	6.450.000.000	284.306.600.000	284.306.600.000
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Tp.HCM (6)	282.521.984.600	282.521.984.600	-	3.804.747.137	278.717.237.463	278.717.237.463
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây	63.266.400.000	63.266.400.000	-	63.266.400.000	-	-
- Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (7)	-	-	231.977.169.788	65.000.000.000	166.977.169.788	166.977.169.788
	1.043.251.820.600	1.043.251.820.600	231.977.169.788	173.219.184.592	1.102.009.805.796	1.102.009.805.796
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(844.013.468.000)	(844.013.468.000)	(189.514.703.096)	(201.996.934.160)	(831.531.236.936)	(831.531.236.936)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	199.238.352.600	199.238.352.600			270.478.568.860	270.478.568.860

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM
428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

S T T	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư 31/12/2019 (Nguyên tệ)	Số dư quy đổi VND 31/12/2019	Phân loại			Mục đích vay	Tình hình	Tài sản đảm bảo
					Nợ ngắn hạn	Nợ đã quá hạn thanh toán	Nợ dài hạn đến hạn trả			
1	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM	Hợp đồng số 176/2014-HDTHM-VTC ngày 15/07/2014	3.810.633,08 USD	115.203.638.820	88.304.263.820	22.556.000.000	4.343.375.000	-	-	-
	Số 89/07/HCM ngày 02/01/2007	12 tháng	26.899.375.000	88.304.263.820	-	4.343.375.000	-	Công ty đã quá hạn thanh toán và được ngân hàng tái cơ cấu lịch trả nợ ngày 14/10/2015	Tin chấp	Tàu VTC Phoenix, Số hiệu/Số IMO: 3WXR/9536337 theo dự án đầu tư đóng mới tàu chở hàng khô loại 22.500 DWT chiếc số 02/KH2005
2	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở	Hợp đồng số 529914 VPB Vitranschart ngày 26/05/2014	337.633,95 USD	7.823.991.523	7.823.991.523	-	-	Bổ sung vốn lưu động	Công ty đã quá hạn thanh toán và được lịch trả nợ theo Công văn số 2711/2018/CV-VPB-CIB ngày 27/11/2018	- Là toàn bộ các khoản phải thu đã hình thành và sẽ hình thành của bên Vay - 490.600 cổ phần của bên Vay tại Công ty Cổ phần cung ứng dịch vụ hàng hải và xuất nhập khẩu Phương Đông





CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM
428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

S T T	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư 31/12/2019 (Nguyên tệ)	Số dư quy đổi VND 31/12/2019	Phân loại			Mục đích vay	Tình hình	Tài sản đảm bảo
					Nợ ngắn hạn	Nợ đã quá hạn thanh toán	Nợ dài hạn đến hạn trả			
3	Ngân hàng TMCP Á Châu			442.944.502.987	106.511.079.442	328.354.481.659	1.390.380.000	6.688.561.886		
Số	41222579/SĐ BS07 ngày 28/05/2008	96 tháng	90.939.125.000 VND	90.939.125.000	-	90.939.125.000	-	-	Công ty đã quá hạn thanh toán và Ngân hàng đã kiện ra toà	Tàu chở hàng khô VTC Planet Số hiệu/ Số IMO 3WVU-0960730 trọng tải 22.176 DWT
Số	SGD.DN 01220108 ngày 22/01/2008	96 tháng	10.245.412 USD	237.415.356.659	-	237.415.356.659	-	-	Công ty đã quá hạn thanh toán và Ngân hàng đã kiện ra toà	Tàu chở hàng khô VTC Sun
Số	SGD.DN 01130312/M MLC ngày 22/03/2012	12 tháng	1.302.310 USD và 76.332.634.055 VND	106.511.079.442	106.511.079.442	-	-	-	Công ty đã quá hạn thanh toán và Ngân hàng đã kiện ra toà	Tàu VTC Sun, VTC Planet thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
Số	01261206/01 TEN/SĐBS-4 ngày 25/05/2013	60 tháng	348.568 USD	8.078.941.886	-	-	1.390.380.000	6.688.561.886	Công ty đã quá hạn thanh toán và được Ngân hàng gia hạn tới tháng 11/2020	Tàu chở hàng khô VTC Dragon 22.500 DWT - Chiếc số 03/KH 2004

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM
428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

S T T	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư 31/12/2019 (Nguyên tệ)	Số dư quy đổi VND 31/12/2019	Phân loại			Mục đích vay	Tình hình	Tài sản đảm bảo
					Nợ ngắn hạn	Nợ đã quá hạn thanh toán	Nợ dài hạn đến hạn trả			
4	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II			8.676.000.000	-	4.000.000.000	4.676.000.000	-		
Số	83/2011/HĐT ĐĐTĐBS- NHPT ngày 27/12/2011	180 tháng	8.676.000.000 VND	8.676.000.000	-	4.000.000.000	4.676.000.000	-	Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 6.500 DWT - Chiếc số 04/KH2004	Công ty đã quá hạn thanh toán và được gia hạn tới tháng 08/2020
Số	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - khu vực Đông Bắc			284.306.600.000	-	235.017.600.000	35.100.000.000	14.189.000.000		
Số	06/2003/HĐT D-TWTW ngày 21/07/2003	144 tháng	32.817.600.000 VND	32.817.600.000	-	32.817.600.000	-	-	Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 6.500 DWT	Công ty đã vi phạm thanh toán và được tái cơ cấu lịch trả nợ tới tháng 6/2018
Số	05/2005/HĐT D-TDTW ngày 28/07/2005	144 tháng	117.697.000.000 VND	117.697.000.000	-	100.170.000.000	17.527.000.000	-	Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 22.500 DWT	Tài sản hình thành từ vốn vay là Tàu chở hàng khô 6.500 DWT- Tàu Viên Đông 3
Số	07/2006/HĐT DSD-TDI ngày 31/08/2011	144 tháng	133.792.000.000 VND	133.792.000.000	-	102.030.000.000	17.573.000.000	14.189.000.000	Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 22.500 DWT	Tài sản hình thành từ vốn vay là Tàu chở hàng khô 22.500 DWT - chiếc số 02/KH2005 - VTC Phoenix





CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM
428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

S T T	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư 31/12/2019 (Nguyên tệ)	Số dư quy đổi VND 31/12/2019	Phân loại			Mục đích vay	Tình hình	Tài sản đảm bảo
					Nợ ngắn hạn	Nợ đã quá hạn thanh toán	Nợ dài hạn đến hạn trả			
6	Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Tp.HCM			278.717.237.463	-	146.182.372.277	37.911.028.000	94.623.837.186		
	Số 1007968.A.10	96								
	.HD/Đ.HCM	tháng	12.027.671,75	278.717.237.463		146.182.372.277	37.911.028.000	94.623.837.186	Đã quá hạn thanh toán và gia hạn tới tháng 6/2020	Tài sản được hình thành từ vốn vay là tàu VTC Glory tải trọng 23.620 DWT
	ngày 01/06/2010	ngày	USD							
7	Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam			166.977.169.788	-	-	12.000.000.000	154.977.169.788		
	Biên bản thỏa thuận ngày 11/03/2019 giữa DATC và Công ty	36 tháng	166.977.169.788 VND	166.977.169.788			12.000.000.000	154.977.169.788	Mua lại khoản vay của Vitranschart tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.	Tài sản đảm bảo là con tàu chở hàng khô VTC Ocean trọng tải 23.000 DWT đóng năm 1999 tại Philippines
	Tổng cộng			1.304.649.140.581	202.639.334.785	736.110.453.936	95.420.783.000	270.478.568.860		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	609.993.370.000	88.258.000	9.662.314.492	4.979.424.927	(1.525.464.445.140)	(900.741.077.721)						
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(255.299.656.797)						
Tặng khác	-	-	-	338.777.750	319.555.799	658.333.549						
Giảm khác	-	-	-	(477.475.600)	(334.160.751)	(811.636.351)						
Số dư cuối năm trước	609.993.370.000	88.258.000	9.662.314.492	4.840.727.077	(1.780.778.706.889)	(1.156.194.037.320)						
Số dư đầu năm nay	609.993.370.000	88.258.000	9.662.314.492	4.840.727.077	(1.780.778.706.889)	(1.156.194.037.320)						
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(272.403.661.908)	(272.403.661.908)						
Số dư cuối năm nay	609.993.370.000	88.258.000	9.662.314.492	4.840.727.077	(2.053.182.368.797)	(1.428.597.699.228)						

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Tỷ lệ		Đầu năm		Tỷ lệ	
	VND	(%)	VND	(%)	VND	(%)		
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	298.880.000.000	48,99%	298.880.000.000	48,99%	298.880.000.000	48,99%		
Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	20.000.000.000	3,28%	20.000.000.000	3,28%	20.000.000.000	3,28%		
Công đoàn Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	56.656.000.000	9,29%	56.656.000.000	9,29%	56.656.000.000	9,29%		
Các cổ đông khác	234.457.370.000	38,44%	234.457.370.000	38,44%	234.457.370.000	38,44%		
	609.993.370.000	100%	609.993.370.000	100%	609.993.370.000	100%		



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	609.993.370.000	609.993.370.000
- Vốn góp đầu năm	609.993.370.000	609.993.370.000
- Vốn góp cuối năm	609.993.370.000	609.993.370.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.999.337	60.999.337
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	60.999.337	60.999.337
- Cổ phiếu phổ thông	60.999.337	60.999.337
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.999.337	60.999.337
- Cổ phiếu phổ thông	60.999.337	60.999.337
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.662.314.492	9.662.314.492
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.840.727.077	4.840.727.077
	14.503.041.569	14.503.041.569

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện có 7 tàu đang cho thuê hoạt động là VTC Dragon, VTC Sun, VTC Planet, VTC Ocean, VTC Glory, VTC Phoenix và tàu Viễn Đông 3. Các tàu được cho thuê dưới dạng hợp đồng cho thuê hạn định. Theo đó các hợp đồng thuê này được tính bằng số ngày hoàn thành chuyến hàng nhân với đơn giá tiền thuê từng ngày.

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty có các hợp đồng thuê đất hàng năm tại số 428 Nguyễn Tất Thành và số 36 Nguyễn Thị Minh Khai để sử dụng với mục đích làm văn phòng trụ sở làm việc. Diện tích khu đất thuê là lần lượt là 1.053,8 m² và 431 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2019	01/01/2019
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.377.040,60	903.562,25
- Đồng Euro (EUR)	1,04	1,04

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

d) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH Phúc Hải	3.474.203.550	3.474.203.550
M/S Traun Schiffahrts - Germany	1.726.511.550	1.726.511.550
Công ty TNHH Vận tải biển Minh Nam	810.464.637	810.464.637
Khách hàng khác	568.589.999	568.589.999

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	16.536.965.745	16.541.228.947
Doanh thu cung cấp dịch vụ	463.084.609.010	526.406.950.308
	479.621.574.755	542.948.179.255

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	8.169.614.327	10.574.851.954
	8.169.614.327	10.574.851.954

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	15.971.180.413	15.985.812.862
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	491.625.944.108	562.216.098.704
	507.597.124.521	578.201.911.566

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	425.099.668	247.209.469
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	457.041.866	2.097.542.782
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	3.511.690.257	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	93.694.860
	4.393.831.791	2.438.447.111



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	71.909.624.129	113.626.790.391
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.935.137.711	2.016.723.857
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	5.199.552	16.906.424.953
	77.849.961.392	132.549.939.201

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí hoa hồng môi giới	3.241.188.970	4.507.812.006
	3.241.188.970	4.507.812.006

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	641.725.984	392.012.486
Chi phí nhân công	20.480.283.786	18.901.680.753
Chi phí khấu hao tài sản cố định	523.912.297	668.514.102
Thuế, phí, lệ phí	2.652.424.044	420.327.290
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(1.368.037.609)	12.147.923.873
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.680.820.998	7.817.391.988
Chi phí khác bằng tiền	4.226.932.863	3.968.211.211
	30.838.062.363	44.316.061.703

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	229.909.091	990.922.344
Các khoản bồi thường khác phục sự cố tàu	1.521.977.016	474.413.363
	1.751.886.107	1.465.335.707

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá trị còn lại tài sản cố định	349.024.980	1.668.392.099
Chi phí thanh lý TSCĐ	8.692.848.405	-
Chi phí lãi phạt đối với các khoản vay đã quá hạn	91.789.962.602	29.567.235.937
Chi phí tàu Ocean dừng hoạt động	23.696.015.386	-
Chi phí khác	5.090.790.422	6.959.968
	129.618.641.795	31.242.588.004

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(272.403.661.908)	(255.299.656.797)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(272.403.661.908)	(255.299.656.797)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	60.999.337	60.999.337
	(4.466)	(4.185)

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.758.296.878	83.526.101.589
Chi phí nhân công	241.753.273.530	229.256.759.821
Chi phí khấu hao tài sản cố định	147.441.342.697	149.856.556.978
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.500.603.975	25.049.530.921
Chi phí khác bằng tiền	98.121.225.796	142.519.248.343
	548.574.742.876	630.208.197.652

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.848.050.788	-	36.095.393.531	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	58.207.235.216	(11.298.577.117)	94.338.482.692	(12.666.614.726)
Đầu tư dài hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
	112.055.286.004	(11.298.577.117)	132.433.876.223	(12.666.614.726)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	1.304.649.140.581	1.376.808.949.759
Phải trả người bán, phải trả khác	101.348.716.982	81.427.955.402
Chi phí phải trả	829.770.386.935	742.160.564.780
	2.235.768.244.498	2.200.397.469.941

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Đầu tư dài hạn	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
	<u>-</u>	<u>2.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>2.000.000.000</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Đầu tư dài hạn	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
	<u>-</u>	<u>2.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>2.000.000.000</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.848.050.788	-	-	51.848.050.788
Phải thu khách hàng, phải thu khác	23.629.126.128	23.279.531.971	-	46.908.658.099
	<u>75.477.176.916</u>	<u>23.279.531.971</u>	<u>-</u>	<u>98.756.708.887</u>

Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.095.393.531	-	-	36.095.393.531
Phải thu khách hàng, phải thu khác	34.979.630.906	46.692.237.060	-	81.671.867.966
	<u>71.075.024.437</u>	<u>46.692.237.060</u>	<u>-</u>	<u>117.767.261.497</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	1.034.170.571.721	270.478.568.860	-	1.304.649.140.581
Phải trả người bán, phải trả khác	92.712.397.804	8.636.319.178	-	101.348.716.982
Chi phí phải trả	829.770.386.935	-	-	829.770.386.935
	<u>1.956.653.356.460</u>	<u>279.114.888.038</u>	<u>-</u>	<u>2.235.768.244.498</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Tại ngày 01/01/2019

Vay và nợ	1.177.570.597.159	199.238.352.600	-	1.376.808.949.759
Phải trả người bán, phải trả khác	72.791.366.224	8.636.589.178	-	81.427.955.402
Chi phí phải trả	742.160.564.780	-	-	742.160.564.780
	1.992.522.528.163	207.874.941.778	-	2.200.397.469.941

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động vận tải biển	Hoạt động kinh doanh dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	271.978.775.772	199.473.184.656	471.451.960.428
Chi phí bộ phận trực tiếp	330.318.345.114	177.278.779.407	507.597.124.521
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(58.339.569.342)	22.194.405.249	(36.145.164.093)
Tổng chi phí mua TSCĐ	3.006.902.249	-	3.006.902.249
Tài sản bộ phận trực tiếp	863.792.221.327	(1.429.886.376)	862.362.334.951
Tổng tài sản	863.792.221.327	(1.429.886.376)	862.362.334.951
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	2.297.190.458.315	(6.197.962.688)	2.290.992.495.627
Tổng nợ phải trả	2.297.190.458.315	(6.197.962.688)	2.290.992.495.627

Theo khu vực địa lý

	Quốc tế	Trong nước	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	467.426.129.999	4.025.830.429	471.451.960.428
Tài sản bộ phận	-	-	862.389.386.157
Tổng chi phí mua TSCĐ	3.006.902.249	-	3.006.902.249

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Giao dịch phát sinh trong năm:

Mối quan hệ	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Mua hàng hóa dịch vụ	678.815.491	2.845.415.829
Công ty Cổ phần Cung ứng Dịch vụ Hàng hải và XNK Phương Đông	678.815.491	2.845.415.829

Số dư tại ngày kết thúc năm:

Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	2.041.026.828	2.252.384.966
Công ty Cổ phần Cung ứng Dịch vụ Hàng hải và XNK Phương Đông	2.041.026.828	2.252.384.966
Phải trả khác	1.048.676.014	1.048.676.014
Công ty Cổ phần Cung ứng Dịch vụ Hàng hải và XNK Phương Đông	1.048.676.014	1.048.676.014

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	581.691.262	429.604.560
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.592.402.018	1.634.791.820

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

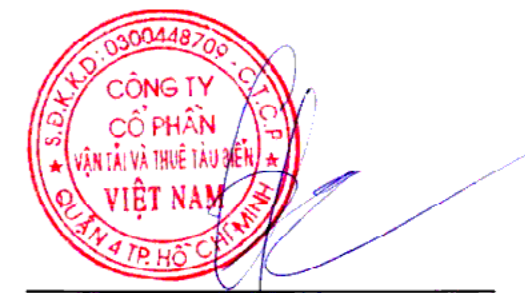
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt kiểm toán.



Lê Kim Phượng
Kế toán trưởng



Mai Thị Thu Vân
Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Phạm Thị Cẩm Hà
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 04 năm 2020
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**


PHẠM THỊ CẨM HÀ